



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
ĐẮK LẮK**



**TÀI LIỆU
PHỤC VỤ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
NĂM 2018**



DAKLAKTOURIST

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 06 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----
TP. BMT, ngày tháng 6 năm 2018

GIẤY MỜI
DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK,
trân trọng kính mời Quý cổ đông :

Địa chỉ:
Tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức như sau:

1. Nội dung Đại hội

- 1.1. Tổng kết tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018;
- 1.2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017;
- 1.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và thẩm định báo cáo tài chính năm 2017;
- 1.4. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ để tái cơ cấu vốn vay Ngân hàng;
- 1.5. Một số nội dung khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2/ Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội:

Khai mạc vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2018; tại hội trường Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê, số 01- 03 Phan Chu Trinh - TP Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk.

3/ Thời gian đăng ký tham dự Đại hội:

Bắt đầu, từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 đến 16 giờ 30 ngày 28 tháng 6 năm 2018. Tại Phòng Kế toán Công ty, tầng 3 khách sạn Sài Gòn – Ban Mê, số 03 Phan Chu Trinh - TP Buôn Ma Thuột. Điện thoại 05003.853921 (Chị Sáu kế toán trưởng).

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông!

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
P. CHỦ TỊCH



Lê Trung Châu



GIẤY ỦY QUYỀN

“V/v tham dự Đại hội đồng cổ đông”

Kính gửi: HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk

Căn cứ giấy mời họp Đại hội cổ đông ngày tháng năm 2018, của HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk.

Họ và tên người ủy quyền:.....CMND số.....

Ngày cấp.Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện sở hữu số cổ phần là:.....cổ phần, loại cổ phần.

Họ tên người được quyềnsố CMND.....

Ngày cấpnơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số cổ phần được ủy quyền là:.....cổ phần:.....

Thời hạn ủy quyền từ ngày.đến ngày.....

Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 do Công ty tổ chức và biểu quyết các vấn đề có liên quan trong Đại hội./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----000-----

TP. BMT, ngày 29 tháng 6 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK

TT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	Tiếp đón đại biểu, khách mời, chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội	13h30 đến 14h00	Ban tổ chức Đại hội
2	Ôn định tổ chức, kiểm tra tư cách cổ đông, giới thiệu chủ tọa, bầu thư ký Đại hội và tổ kiểm phiếu	14h00 đến 14h15	Ông Ninh Văn Hiền GD Nhân sự
3	Tổng kết tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018;	14h15 đến 15h00	Ông Đoàn Đình Quý TGD
4	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017	15h00 đến 15h20	Ông Trương Tấn Sơn CT HĐQT
5	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ để tái cơ cấu lại vốn vay Ngân hàng.	15h20 đến 16h00	Ông Trương Tấn Sơn CT HĐQT
6	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 và Báo cáo thẩm định BCTC năm 2017	16h00 đến 16h20	Bà Lê Thị Hoàng Mai TBKS
7	Tờ trình ĐHCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.	16h20 đến 16h25	Đoàn chủ tịch
8	Cổ đông tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến.	16h25 đến 17h00	Đoàn chủ tịch
9	Biểu quyết thông qua từng nội dung: - Thông qua kết quả kinh doanh năm 2017; - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2018; - Thông qua báo cáo Ban kiểm soát năm 2017; - Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ để tái cơ cấu vốn vay ngân hàng; - Thông qua uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.	17h00 đến 17h20	Đoàn chủ tịch
10	Thông qua biên bản Đại hội	17h20 đến 17h30	Thư ký Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

PHẦN 1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

Hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không đến Đắk Lắk được nâng cấp, tăng chuyến bay đi lại thuận tiện đã thu hút được lượng khách trong và ngoài nước đến làm ăn, du lịch ngày càng nhiều hơn;

Đắk Lắk là địa danh lưu giữ nhiều nét đặc thù về giá trị văn hóa dân gian, phong tục tập quán của các cộng đồng 47/54 dân tộc trên khắp cả nước; cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, còn nét hoang sơ và những di tích ghi lại dấu ấn lịch sử là một trong những điều kiện quan trọng để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước trước mắt cũng như lâu dài;

Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk (“**Công ty**”) là một trong những đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV (“**Tổng Công ty**”) nên tạo được giá trị ổn định về mặt chất lượng dịch vụ do sự chuyển giao nghiệp vụ giữa các đơn vị thành viên trong hệ thống và thương hiệu mang lại, góp phần không nhỏ vào yếu tố thuận lợi cạnh tranh trong việc mang lại nguồn khách dồi dào. Công tác tiếp thị quảng bá các sản phẩm và dịch vụ của Công ty áp dụng bằng nhiều hình thức (đặc biệt là áp dụng công nghệ kết nối) ngày càng rộng hơn, tốt hơn và nhanh hơn;

Vị trí của các nhà hàng khách sạn trực thuộc Công ty đều ở trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột nên rất thuận lợi. Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê đi vào hoạt động được hơn 4 năm, nghiệp vụ phục vụ ngày càng được nâng lên đã khẳng định được chất lượng và thương hiệu, từ đó lấy lại được khách hàng truyền thống và các hãng lữ hành nên công suất phòng ngủ tăng trưởng khá ổn định trong năm;

Tiền thuê đất đã được điều chỉnh theo Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ cho nên cũng giảm bớt áp lực cho Công ty trong việc nộp tiền thuê đất.

2. Khó khăn:

Tình hình trong nước và thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp về chính trị, an ninh, kinh tế,

tình hình thiên tai hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, chiến tranh... đã làm suy giảm lượng khách đến từ nước ngoài, đặc biệt là các nước Châu Âu, Châu Mỹ;

Tình hình kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng còn có những diễn biến chưa thật sự ổn định. Đời sống của người dân địa phương vẫn còn nhiều khó khăn, từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đặc biệt nhu cầu chi tiêu cho hoạt động vui chơi giải trí giảm hẳn so với các năm trước;

Du lịch Đắk Lắk chưa có định hướng để đầu tư chiến lược hoàn thiện, bền vững, chưa có sản phẩm du lịch xứng tầm và đa dạng để hấp dẫn du khách. Sản phẩm du lịch của Tỉnh còn đơn điệu, manh mún không đủ sức thu hút khách. Vì vậy, hầu như khách du lịch chỉ đến một lần và ít khi quay trở lại;

Tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực lữ hành, nhà hàng, khách sạn và vui chơi giải trí ngày càng khốc liệt. Các cá nhân, đơn vị đua nhau mở các dịch vụ cùng ngành nghề với Công ty, tranh giành thị phần bằng nhiều chiêu thức không lành mạnh. Họ lợi dụng kẽ hở từ chính sách thuế nên có sự không bình đẳng trong thu nộp thuế để cạnh tranh. Vì vậy, đã làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian qua;

Qua 5 năm (2012 – 2017) đưa khách sạn Sài Gòn – Ban Mê vào kinh doanh và các cơ sở Nhà hàng Thăng Lợi & Công viên nước, khách sạn Cao Nguyên qua nhiều năm khai thác kinh doanh, đến nay cơ sở vật chất đã xuống cấp rất nhiều, quá trình hoạt động hầu như không có kinh phí sửa chữa, nâng cấp nên rất khó cạnh tranh. Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê hoạt động không có vốn lưu động, nên rất khó khăn trong việc thanh toán tiền hàng cho các nhà cung cấp Đầu năm 2017, Công ty mới nhận lại khách sạn Thành Công, giữa tháng 5/2017 mới nhận lại Khu du lịch Hồ Lắk và Villa Bảo Đại nên việc kinh doanh cũng chưa có khởi sắc;

Các mặt bằng tại khách sạn Sài Gòn – Ban Mê (ban công tầng 5, tầng 17) và 1 hecta đất tại khu vực Nhà Hàng Thăng Lợi sau khi xin chủ trương và đã được Hội đồng quản trị chấp thuận cho thuê để tăng thêm thu nhập, nhưng cho đến nay vẫn chưa cho thuê được;

Vốn đầu tư khách sạn Sài Gòn – Ban Mê chủ yếu là từ nguồn vốn vay ngân hàng cho nên rất áp lực trong việc trả lãi và trả nợ gốc cho ngân hàng.

II. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

Tổng doanh thu thực hiện: 71.655.228.514đ

(đã bao gồm Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác)

So với kế hoạch 85.247.513.000đ; đạt 84% (không HTKH);

So với thực hiện năm trước 78.786.992.008đ; đạt 90,9% (giảm -9,1%).

1. Một số lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

1.1. Kinh doanh Lưu trú:

Doanh thu thực hiện 20.006.050.571đ;

So với kế hoạch	27.425.425.000đ;	đạt 73% (không HTKH);
So với thực hiện năm trước	19.595.268.851đ;	đạt 102% (tăng +2%).

Doanh thu lưu trú tăng so với năm trước là do nhận lại khách sạn Thành Công từ tháng 01/2017 và Du lịch Hồ Lắk từ tháng 5/2017 để tự tổ chức hoạt động kinh doanh.

Công suất phòng ngủ khách sạn Sài Gòn – Ban Mê đạt 45%, so với thực hiện năm 2016 đạt 52%, tương ứng giảm 7%; Công suất phòng ngủ khách sạn Cao Nguyên đạt 80%, so với thực hiện năm 2016 đạt 83%, tương ứng giảm 3 %.

1.2. Kinh doanh Ẩm thực:

Doanh thu thực hiện	23.908.236.029đ	
So với kế hoạch	26.695.000.000đ;	đạt 90% (không HTKH);
So với thực hiện năm trước	27.557.315.133đ;	đạt 87% (giảm -13%).

1.3. Kinh doanh Lữ hành: (Dịch vụ du lịch, hướng dẫn, vận chuyển khách du lịch)

Doanh thu thực hiện	1.675.494.684đ	
So với kế hoạch	3.640.000.000đ;	đạt 46% (không HTKH);
So với thực hiện năm trước	3.466.443.739đ;	đạt 48% (giảm -52%).

1.4. Kinh doanh dịch vụ Công viên Nước:

Doanh thu thực hiện	3.891.000.000đ	
So với kế hoạch	4.550.000.000đ;	đạt 86% (không HTKH);
So với thực hiện năm trước	4.333.630.000đ;	đạt 90% (giảm -10%).

1.5. Kinh doanh hàng hoá chuyển bán:

Doanh thu thực hiện	2.900.420.048đ	
So với kế hoạch	3.824.000.000đ;	đạt 76% (không HTKH);
So với thực hiện năm trước	3.583.894.095đ;	đạt 81% (giảm -19%).

1.6. Kinh doanh bán buôn hàng hoá:

Doanh thu thực hiện	11.671.829.278đ	
So với kế hoạch	13.580.000.000đ;	đạt 86% (không HTKH);
So với thực hiện năm trước	13.567.593.173đ;	đạt 86% (giảm -14%).

Như vậy, trong năm 2017 tất cả các loại hình kinh doanh đều không hoàn thành kế hoạch đề ra và giảm so với cùng kỳ năm 2016.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017:

2.1. Lỗ lũy kế năm 2016 chuyển sang : (15.451.777.175) đồng

2.2. Tổng doanh thu thực hiện	:	71.655.228.514 đồng
<i>(đã bao gồm Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác)</i>		
2.3. LN chưa PB CPQLDN, KH và LV	:	17.760.106.963 đồng
2.4. Phân bổ chi phí quản lý DN	:	3.458.532.118 đồng
2.5. Khấu hao cơ bản năm 2017	:	10.007.219.061 đồng
2.6. Tiền lãi vay NH năm 2017	:	7.231.408.660 đồng
2.7. Lãi (lỗ) năm 2017	:	(2.937.052.876) đồng
2.8. Lỗ lũy kế đến 31/12/2017	:	(18.388.830.051) đồng

(Tiền thuê đất năm 2017 đã được điều chỉnh theo Điểm 8, Điều 3, Nghị định 135/2016/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước)

2.9. Tổng số phải nộp ngân sách năm 2017	:	7.068.935.959 đồng
2.10. Tổng quỹ lương thực hiện năm 2017	:	13.483.605.008 đồng
2.11. Lao động bình quân năm 2017	:	253 người (Năm 2016: 243 người)
2.12. Lương b/quân (người/tháng):	:	4.441.200 đồng (Năm 2016: 4.510.160 đồng)
2.13. Phụ cấp HĐQT-BKS năm 2017:	:	269.672.100 đồng
<i>(Tương ứng 2% / Tổng quỹ lương, bình quân 2.809.084 đồng/người/tháng)</i>		

3. Đánh giá các đơn vị trực thuộc Công ty năm 2017:

(xem chi tiết thêm tại Phụ lục 1 kèm theo)

3.1. Khách sạn Cao Nguyên:

- Doanh thu thực hiện	:	6.884.026.173đ;	
So với kế hoạch	:	7.340.000.000đ;	đạt 94,0%
So với thực hiện năm 2016	:	7.006.463.334đ;	đạt 98,0%
- Lợi nhuận thực hiện	:	1.871.684.708đ;	
<i>(Chưa phân bổ chi phí QLDN và khấu hao)</i>			
So với kế hoạch	:	1.958.731.000đ;	đạt 96,0%
So với thực hiện năm 2016	:	1.709.232.661đ;	đạt 110,0 %
- Lợi nhuận trước thuế	:	1.120.858.437đ;	
So với kế hoạch	:	1.065.380.000đ;	đạt 105,0%
So với thực hiện năm 2016	:	859.465.322đ;	đạt 130,0 %

Doanh thu thực hiện năm 2017 không hoàn thành kế hoạch đề ra, chỉ đạt 94% so với kế hoạch và giảm 2% so với cùng kỳ năm 2016 (số tiền giảm -122.437.161 đồng). Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế năm 2017 tăng 5% so với kế hoạch và tăng 30% so với cùng kỳ năm 2016 (số tiền tăng 261.213.115 đồng). Nguyên nhân, do tiền thuê đất đã điều chỉnh theo Nghị định 135/2016/NĐCP giảm được 194.299.732 đồng.

3.2. Khách sạn Thành Công:

- Doanh thu thực hiện	:	1.065.995.816đ;	
So với kế hoạch	:	1.600.000.000đ;	đạt 67,0%
So với thực hiện năm 2016	:	684.203.819đ;	đạt 156%
- Lợi nhuận thực hiện	:	20.198.070đ;	
<i>(Chưa phân bổ chi phí QLDN và khấu hao)</i>			
So với kế hoạch	:	447.629.000đ;	đạt 5,0%
So với thực hiện năm 2016	:	590.841.225đ;	đạt 3,0%
- Lợi nhuận trước thuế (lỗ)	:	(225.993.886)đ;	
So với kế hoạch	:	330.728.000đ;	(không HTKH)
So với thực hiện năm 2016	:	473.940.189đ;	giảm 268%

Doanh thu, lợi nhuận khách sạn Thành Công năm 2017 không hoàn thành kế hoạch đề ra, do Công ty đã thanh lý Hợp đồng cho thuê mặt bằng trước thời hạn với Công ty TNHH Thương Mại Toàn Lâm, kể từ ngày 28/11/2016. Sau khi tiếp nhận lại khách sạn phải sửa chữa, thay thế, trang bị bổ sung tài sản, công cụ dụng cụ, cơ sở vật chất đã xuống cấp và hư hỏng nghiêm trọng. Vì vậy chi phí tăng cao nên lợi nhuận giảm nhiều so với năm trước.

3.3. Khu du lịch Hồ Lắk:

- Doanh thu thực hiện	:	2.196.191.832đ;	
So với kế hoạch	:	2.197.513.000đ;	đạt 100,0%
So với thực hiện năm 2016	:	693.865.603đ;	đạt 317,0%
- Lợi nhuận thực hiện	:	354.998.067đ;	
<i>(Chưa trừ khấu hao cơ bản)</i>			
So với kế hoạch	:	652.731.000đ;	đạt 54,0%
So với thực hiện năm 2016	:	683.510.971đ;	đạt 52,0%
- Lợi nhuận trước thuế (lỗ)	:	(49.690.104)đ;	
So với kế hoạch	:	248.043.000đ;	Không HTKH%
So với thực hiện năm 2016	:	206.117.443đ;	giảm 224%

Khu du lịch Hồ Lắk đã chấm dứt cho thuê mặt bằng kinh doanh, kể từ ngày 15/5/2017 cho nên doanh thu tăng hơn năm trước, nhưng lợi nhuận trước thuế năm 2017 lỗ, do sau khi nhận bàn giao lại phải sửa chữa một số tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo công tác kinh doanh.

3.4. Nhà hàng Thắng Lợi & Công viên nước:

- Doanh thu thực hiện	:	14.038.878.183đ;	
So với kế hoạch	:	16.645.000.000đ;	đạt 84,0%
So với thực hiện năm 2016	:	15.845.727.000đ;	đạt 89,0%
- Lợi nhuận thực hiện	:	2.223.386.682đ;	
<i>(Chưa phân bổ chi phí QLDN và khấu hao)</i>			
So với kế hoạch	:	2.433.981.000đ;	đạt 91,0%
So với thực hiện năm 2016	:	1.675.105.765đ;	đạt 133%
- Lợi nhuận trước thuế	:	155.001.898đ;	
Kế hoạch lợi nhuận	:	132.616.000đ;	đạt 117%
So với thực hiện năm 2016 (lỗ)	:	(530.548.446)đ;	

Năm 2017 tình hình kinh doanh của Nhà hàng Thắng Lợi & Công viên nước tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn và không hoàn thành kế hoạch doanh thu, giảm sút -11% so với doanh thu năm 2016 (giảm -1.806.848.817 đồng). Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế tăng 685.550.344 đồng so với năm 2016 là do tiền thuê đất đã được điều chỉnh theo Nghị định 135/2016/NĐ-CP (chí phí thuê đất giảm so với năm 2016 là 873.457.200 đồng).

3.5. Phòng hướng dẫn du lịch:

- Doanh thu thực hiện	:	1.675.494.684đ;	
So với kế hoạch	:	3.640.000.000đ;	đạt 46,0%
So với thực hiện năm 2016	:	3.466.443.739đ;	đạt 48,0%
- Lợi nhuận thực hiện	:	17.006.590đ;	
<i>(Chưa phân bổ chi phí QLDN và khấu hao)</i>			
So với kế hoạch	:	92.952.000đ;	đạt 18,0%
So với thực hiện năm 2016	:	86.871.247đ;	đạt 20,0%
- Lợi nhuận trước thuế (lỗ)	:	(96.122.965)đ;	
Kế hoạch lợi nhuận	:	5.446.000đ;	
Thực hiện năm 2016	:	(88.141.466)đ;	

Doanh thu dịch vụ lữ hành năm 2017 giảm mạnh so với năm 2016 (giảm -52%). Kết quả kinh doanh lỗ (96.122.965) đồng; do lượng khách quốc tế đến giảm hẳn so với các năm trước,

doanh thu chủ yếu là doanh thu lẻ hành nội địa nên hiệu quả kinh doanh thấp. Ngoài ra, các đơn vị lẻ hành tại địa phương mở ra nhiều, các công ty du lịch có thương hiệu trên cả nước mở chi nhánh, văn phòng đại diện, nên bị chia khách làm ảnh hưởng đến doanh thu, hiệu quả.

3.6. Văn phòng Công ty (bán buôn bia Sài Gòn, vận chuyển...)

- Doanh thu thực hiện	:	11.741.848.088đ;	
So với kế hoạch	:	13.580.000.000đ;	đạt 86,0%
So với thực hiện năm 2016	:	13.602.692.610đ;	đạt 86,0%
- Lợi nhuận thực hiện	:	(80.398.569)đ;	
<i>(Chưa phân bổ chi phí QLDN và khấu hao)</i>			
So với kế hoạch	:	26.092.000đ;	(Không HTKH)
So với thực hiện năm 2016	:	22.689.101đ;	
- Lợi nhuận trước thuế	:	(584.964)đ;	
So với kế hoạch	:	102.036.000đ;	(Không HTKH)
So với thực hiện năm 2016	:	60.941.846đ;	

Kinh doanh bán buôn hàng hóa trong năm 2017 không hoàn thành kế hoạch đề ra và giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2016. Công ty vẫn duy trì dịch vụ này với mục đích chủ yếu là để có nguồn cung cấp hàng hóa cho các nhà hàng, khách sạn trực thuộc Công ty là chính, không mở rộng thêm mạng lưới bán hàng.

Các lý do kinh doanh bán buôn lợi nhuận bị âm và giảm hơn so với năm 2016 như sau:

Các đại lý đồng cấp với Công ty chấp nhận bán hòa vốn để hưởng chiết khấu; Thị trường tiêu thụ giảm do các hãng bia khác cạnh tranh; Cung nhiều hơn cầu; Do dòng tiền của Công ty không cho phép bán nợ nhiều nên phần nào ảnh hưởng đến việc kinh doanh.

4. Đánh giá hoạt động kinh doanh của khách sạn Sài Gòn – Ban Mê:

4.1. Tình hình chung của Khách sạn năm 2017:

a. Thuận lợi:

Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê có vị trí đặc biệt thuận lợi nằm ngay tại Ngã 6 trung tâm thành phố Buon Ma Thuột, đây là vị trí đắc địa trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Từ Khách sạn có thể nhìn được bao quát toàn bộ vẻ đẹp của Thành phố, tượng đài chiến thắng Buon Ma Thuột và nhà thờ Chính tòa gắn liền với di tích lịch sử nổi tiếng của Buon Ma Thuột, Đăk Lăk;

Là đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Du lịch Đăk Lăk và nằm trong hệ thống thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV nên tạo được giá trị ổn định về mặt thương hiệu, chất lượng dịch vụ. Đây là yếu tố rất thuận lợi trong việc cạnh tranh với các khách sạn có cùng

đẳng cấp trên địa bàn. Do nằm trong hệ thống các khách sạn thuộc Tổng Công ty nên việc quảng cáo tiếp thị các sản phẩm dịch vụ của khách sạn được rộng hơn, tốt hơn và nhanh hơn;

Khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 sao, đáp ứng được các nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của du khách trong và ngoài nước. Tập thể cán bộ, nhân viên của khách sạn tuổi đời còn trẻ, nhiệt tình trong công việc, nghiệp vụ, kỹ năng nghề chuyên môn tương đối vững vàng, được đào tạo và tái đào tạo liên tục, có tinh thần đoàn kết nội bộ tốt, có ý thức xây dựng đơn vị ngày càng phát triển;

Do Khách sạn đã hoạt động trên 5 năm (2012 – 2017) nên thương hiệu của Khách sạn đã trở nên thân thuộc với nhiều đối tượng khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là thị phần khách MICE, online, lưu hành inbound, cơ quan ban ngành trong và ngoài tỉnh....;

Giao thông đường bộ thuận lợi. Giao thông hàng không ngày càng mở rộng phát triển; các hãng hàng không liên tục tăng chuyến và mở thêm các đường bay mới. Ngoài Vietnam Airlines khai thác các tuyến đi thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng. Nay sân bay Buôn Ma Thuột đã có thêm hai hãng hàng không giá rẻ khai thác là VietJet Air và Jetstar Pacific, đây là đầu mối vận chuyển hành khách rất quan trọng nối liền các trung tâm kinh tế của cả nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh, Thanh Hóa, Hải Phòng... đến với thành phố Buôn Ma Thuột và ngược lại.

b. Khó khăn:

Tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do cạnh tranh rất khốc liệt với các khách sạn 5 sao khác, như Hai Bà Trưng, Mường Thanh – Buôn Ma Thuột, về giá bán phòng và dịch vụ rất thấp, sảnh tiệc do được xây dựng theo xu hướng tân tiến, kiến trúc hiện đại hơn, sảnh có sức chứa từ 1000 đến 1200 khách, nhà hàng không có cột nên thu hút một lượng lớn khách đặt tiệc cưới, tiệc công ty với sức chứa như trên, công tác PR và chăm sóc khách hàng là cơ quan ban ngành chủ chốt trong Tỉnh rất tốt. Ngoài ra, khách sạn Dakruco 4 sao hạ giá ngang khách sạn 3 sao và khuyến mại nhiều hình thức cho khách hàng khi đặt các dịch vụ khác; các nhà hàng tiệc cưới tư nhân cũng cạnh tranh khốc liệt, như chuỗi nhà hàng Hoàng Lộc, nhà hàng Victory, nhà hàng Thanh lịch... trang thiết bị đẹp, xe đưa đón cô dâu sang trọng và có nhiều chính sách khuyến mãi bằng dịch vụ, hiện vật và tiền mặt, và chương trình nghi thức chuyên nghiệp, mới lạ chiếm lĩnh thị trường tiệc cưới của thành phố Buôn Ma Thuột;

Nhà hàng tiệc cưới của Khách sạn diện tích khá nhỏ so với các đối thủ, một sảnh chỉ đáp ứng được khoảng 400 – 450 suất, bãi giữ xe nhỏ hẹp, không có xe hơi sang trọng (Audi, Mercedes, Limousine...) đưa đón dâu, chương trình khuyến mãi không cạnh tranh được với các nhà hàng bên ngoài, món ăn chất lượng chưa đồng đều, tính chuyên nghiệp trong phục vụ còn hạn chế. Nhà hàng Thắng Lợi có sức chứa khoảng 1000 khách nhưng qua nhiều năm không có kinh phí duy tu bảo dưỡng, nâng cấp lại cách xa trung tâm nên cũng mất dần thị phần tiệc cưới.

Cơ sở hạ tầng giao thông từ tỉnh lộ vào các tuyến điểm du lịch tại Đăk Lăk đường sá xuống cấp trầm trọng, xe cộ đi lại khó khăn. Mặt khác các điểm du lịch chưa được tôn tạo, đầu tư đúng mức, các dịch vụ du lịch nghèo nàn (Thác Dray Nur, Thác Dray Sáp, Công ty TNHH

MTV XNK 2/9 Daklak – Simexco Daklak); các đơn vị cá nhân làm du lịch theo kiểu tận thu, manh mún (Bản Đôn Thanh Hà, Bản Đôn Ánh Dương, Hợp tác xã du lịch Buôn Jun, Công ty Du lịch sinh thái Văn Long...). Tỉnh chưa có quy hoạch và phát triển các tuyến điểm, khu du lịch một cách khoa học bài bản và đang có xu hướng đi xuống, làm ảnh hưởng không nhỏ tổng quan ngành du lịch của Tỉnh. Hầu hết du khách chỉ đến Đắk Lắk một lần mà không quay trở lại;

Qua 5 năm (2012 – 2017) đưa khách sạn Sài Gòn – Ban Mê vào kinh doanh đến nay cơ sở vật chất đã xuống cấp rất nhiều, quá trình hoạt động hầu như không có kinh phí sửa chữa, nâng cấp nên rất khó cạnh tranh. Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê hoạt động không có vốn lưu động, nên rất khó khăn trong việc thanh toán tiền hàng cho các nhà cung cấp. Các mặt bằng tại khách sạn Sài Gòn – Ban Mê (ban công tầng 5, tầng 17) sau khi xin chủ trương và đã được Hội đồng quản trị chấp thuận cho thuê để tăng thêm thu nhập, nhưng cho đến nay vẫn chưa cho thuê được.

4.2. Kết quả kinh doanh của khách sạn Sài Gòn – Ban Mê năm 2017:

- Doanh thu thực hiện	:	31.978.009.432đ	
<i>(đã bao gồm Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác)</i>			
So với kế hoạch	:	40.245.000.000đ;	đạt 79,0%
So với thực hiện năm 2016	:	37.320.563.815đ;	đạt 86,0%
- Lợi nhuận thực hiện	:	11.349.053.421đ;	
<i>(Chưa phân bổ chi phí QLDN, khấu hao cơ bản và lãi vay ngân hàng)</i>			
So với kế hoạch	:	16.360.899.000đ;	đạt 69,0%
So với thực hiện năm 2016	:	13.366.319.982đ;	đạt 85,0%
- Khấu hao cơ bản	:	7.967.710.215đ;	
- Lãi vay ngân hàng	:	6.854.215.805đ;	
- LN chưa phân bổ CP QLDN	:	(3.472.872.599)đ;	
So với kế hoạch	:	1.398.251.000đ;	(không HTKH)
So với thực hiện năm 2016	:	(1.973.550.495)đ;	Lỗ tăng 1,499 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế	:	(5.331.429.579)đ;	
So với kế hoạch	:	(631.896.000)đ;	(không HTKH)
So với thực năm 2016	:	(3.819.139.109)đ;	Lỗ tăng 1,512 tỷ
- Công suất phòng ngủ	:	45%;	
So với thực hiện năm 2016	:	52%;	giảm 7%

Tổng doanh thu năm 2017 chỉ đạt 79% so với kế hoạch và giảm 14% so với cùng kỳ năm 2016; trong đó công suất phòng giảm 7% so với năm 2016. Kết quả kinh doanh năm 2017

không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đề ra và số lỗ đã tăng hơn so với năm 2016 là 1,499 tỷ đồng, mặc dù tiền thuê đất đã được điều chỉnh giảm theo Nghị định 135/2016/NĐ-CP (chí phí thuê đất giảm so với năm 2016 là 189,382 triệu đồng).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017 VÀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Công tác kinh doanh:

Tổng doanh thu thực hiện năm 2017 là 71.655.228.514 đồng so với kế hoạch 85.247.513.000 đồng, đạt 84% kế hoạch, không hoàn thành kế hoạch đề ra; so với thực hiện năm 2016 là 78.786.992.008 đồng, đạt 91%, giảm -9%. Doanh thu giảm chủ yếu từ dịch vụ ăn uống, hàng chuyển bán tại nhà hàng và dịch vụ lữ hành; và do năng lực cạnh tranh của Công ty trong các dịch vụ này còn chưa tốt;

Hiệu quả kinh doanh năm 2017 là lỗ -2.937.052.876 đồng; kế hoạch đề ra là lãi 1.317.033.000 đồng, nhưng không hoàn thành và tiếp tục thua lỗ, làm tăng thêm lỗ lũy kế của Công ty. Nếu không có giải pháp giảm dư nợ tiền vay ngân hàng để xây dựng khách sạn Sài Gòn – Ban Mê, thì tình hình kinh doanh của Công ty sẽ vẫn tiếp tục gặp khó khăn và không còn khả năng để thanh toán các khoản nợ ngân hàng khi đến hạn phải trả;

Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2017:

Lỗ lũy kế năm 2016 chuyển sang	:	(15.451.777.175) đồng
Lỗ năm 2017	:	(2.937.052.876) đồng
Lỗ lũy kế đến 31/12/2017	:	(18.388.830.050) đồng

Thu nhập tiền lương bình quân của người lao động (đồng/người/tháng) năm 2017 là 4.441.240 đồng (Tổng quỹ lương thực hiện là 13.483.605.008 đồng; số lao động bình quân là 253 người), đạt 93,5% so với kế hoạch là 4.750.000 đồng, và giảm 4,7% so với thực hiện năm 2016 là 4.660.000 đồng, tương ứng với số tiền giảm -218.760 đồng/người/tháng, do hiệu quả kinh doanh giảm;

Công ty đã duy trì tốt việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong các dịch vụ kinh doanh nên chất lượng phục vụ khách hàng được duy trì và ngày càng nâng cao và mang tính chuyên nghiệp.

2. Công tác tổ chức - đào tạo:

Ổn định công tác tổ chức lao động: Trong năm tình hình lao động biến động trong các đơn vị tương đối nhiều, đặc biệt là những đơn vị kinh doanh gặp khó khăn. Lao động nghỉ việc nhiều cho nên phải thường xuyên tuyển dụng mới cũng ảnh hưởng phần nào đến chất lượng chuyên môn trong công việc. Nhưng Công ty cũng đã làm tốt công tác tư tưởng, động viên người lao động, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập hàng tháng ở mức chấp nhận được. Từ đó, duy trì hoạt động kinh doanh trong toàn hệ thống một cách bình thường;

Thay đổi, luân chuyển một số vị trí cán bộ quản lý lãnh đạo trong các đơn vị trực thuộc gồm: Phòng hướng dẫn du lịch, Nhà hàng Thăng Lợi & Công viên nước, Khách sạn Cao nguyên và Khu du lịch Hồ Lắc nhằm đổi mới đáp ứng với sự phát triển trong kinh doanh.

3. Một số tồn tại:

Việc bán tour nội địa chưa chủ động được nguồn khách, vẫn còn hạn chế so với các đối thủ cạnh tranh là các Công ty lữ hành của tư nhân; cơ cấu giá bán còn cao chưa linh hoạt. Các đơn vị, cá nhân bên ngoài hạ giá thấp bằng mọi cách để lấy được khách. Trong khi người mua tour thì ham rẻ và ít quan tâm đến yếu tố chất lượng và uy tín của việc cung cấp dịch vụ. Nên kinh doanh dịch vụ du lịch của Công ty gặp rất nhiều khó khăn;

Công tác quảng cáo, tiếp thị, chào mời còn nhiều hạn chế. Một số đơn vị trực thuộc chưa làm được hoặc làm còn yếu công tác bán hàng qua các trang mạng, do cập nhật các thông tin chưa kịp thời, nội dung chưa phong phú đa dạng;

Dịch vụ tiệc, tiệc cưới chưa tìm ra giải pháp để cạnh tranh với các nhà hàng tư nhân. Với xu thế đòi hỏi ngày càng cao của dịch vụ tiệc cưới hiện nay về các trang thiết bị phục vụ như xe ô tô đời mới cao cấp, màn hình Led, các dụng cụ phục vụ nghi thức, nghi lễ, các chế độ khuyến mãi khác... Nhưng do khó khăn về tài chính phải tập trung vào việc trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng nên Công ty không thể đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của khách. Kể cả khách sạn Sài Gòn – Ban Mê tiêu chuẩn 4 sao nhưng sân khấu của các sảnh nhà hàng chưa thể trang bị được màn hình Led, nên không thu hút khách đặt tiệc, tiệc cưới và hội nghị. Vì vậy, kinh doanh dịch vụ;

Phòng Kinh doanh & Tiếp thị của khách sạn Sài Gòn – Ban Mê có biến động về nhân sự quản lý (Trưởng phòng Kinh doanh đã xin nghỉ vào tháng 8/2017) và đến nay vẫn chưa tìm được người thay thế vị trí này, các nhân viên trong Phòng thì chưa đủ năng lực để đảm trách, việc này ảnh hưởng rất lớn đến việc kinh doanh.

4. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại-hội-đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2017:

Công ty đã hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch và chương trình hành động theo Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị theo sự chỉ đạo và triển khai của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn;

Công ty đã hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch lao động tiền lương năm 2017, trong đó lương của Ban điều hành gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Công ty đã triển khai thực hiện chủ trương sáp nhập Phòng hướng dẫn du lịch vào Bộ phận Kinh doanh & Tiếp thị Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê thành lập Phòng Kinh doanh & Tiếp thị Công ty, hiện nay đã xây dựng cơ cấu các chức danh và nhiệm vụ của từng thành viên; tuy nhiên Công ty vẫn chưa tuyển dụng được nhân sự đứng đầu lãnh đạo Phòng này;

Công ty đã tiến hành đổi mới, sắp xếp tổ chức lại bộ máy nhân sự quản lý trong toàn Công ty tinh gọn hơn, hoạt động hiệu quả hơn, tránh tình trạng kiêm nhiệm nhiều chức danh;

Mặc dù tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn, nhưng Công ty phấn đấu tiếp tục xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2018 ít nhất bằng với Kế hoạch kinh doanh năm 2017 để thuận tiện trong việc vay vốn ngân hàng trong năm.

PHẦN 2

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

1. Tình hình ngành du lịch Việt Nam năm 2018:

Năm 2017 là một năm thành công của ngành du lịch Việt Nam, trong đó tốc độ tăng trưởng lượt khách là một trong những dấu ấn quan trọng nhất của ngành. Theo đó, tính cả năm 2017, Việt Nam đón được 12,9 triệu lượt khách quốc tế, tăng gần 30% so với năm 2016 và phục vụ hơn 73 triệu lượt khách nội địa. Lần đầu tiên, Việt Nam lọt vào danh sách các quốc gia có tốc độ tăng trưởng du lịch nhanh nhất thế giới. Việt Nam được Tổ chức Du lịch Thế giới xếp thứ 6 trong 10 điểm du lịch có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới và đứng đầu châu Á về tốc độ này;

Các chuyên gia du lịch nhận định, với đà tăng trưởng mạnh mẽ trong hai năm 2016 và 2017, ngành Du lịch chắc chắn vẫn tăng trưởng tốt trong năm 2018. Dù có thể khó đạt được mức tăng gần 30% như năm nay, song Du lịch vẫn có thể trở thành điểm sáng của nền kinh tế với mức tăng trưởng 26-27%.

2. Tình hình thị trường du lịch Đắk Lắk năm 2018:

Thị trường du lịch Đắk Lắk năm 2018 vẫn chưa có gì khởi sắc. Theo Sở VH TTDL Tỉnh cho biết năm 2018 không có nhiều sự kiện diễn ra trong năm. Tỉnh đang tập trung vào công tác nâng cao năng lực phục vụ du lịch của đội ngũ làm du lịch địa phương, đẩy mạnh khai thác các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa của các dân tộc bản địa để tạo điểm nhấn đặc sắc, thu hút du khách. Trong năm 2018, Sở VH TTDL sẽ tổ chức khảo sát các buôn đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là Ê Đê và M'Nông, xây dựng các buôn điểm phát triển du lịch cộng đồng hoặc du lịch văn hóa tại các buôn trên địa bàn tỉnh, từ đó có hướng đóng góp để xây dựng định hướng phát triển du lịch tỉnh tốt hơn;

Đánh giá tình hình thị trường du lịch của Đắk Lắk năm 2018 vẫn còn nhiều khó khăn, sức cạnh tranh còn rất lớn, sản phẩm du lịch tại các điểm đến không có gì mới nên khó tạo sự hấp dẫn đến du khách. Cuối năm 2017, Vietnam Airline đã thiết lập thêm đường bay Buôn Ma Thuột - Đà Nẵng tạo thuận lợi cho các hãng lữ hành khai thác thêm nguồn khách.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Tình hình kinh doanh của Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, do chưa thể tái cơ cấu vốn vay được nên vẫn còn rất nhiều áp lực trả lãi gốc và lãi tiền vay cho ngân hàng. Ngoài những khó khăn nêu trên, năm 2018 sẽ tiếp tục gặp khó khăn thêm về cạnh tranh do khách sạn Mường Thanh 5 sao mới đi vào hoạt động từ giữa tháng 2/2017; Nhà hàng Hoàng Lộc 3 đi vào

hoạt động kinh doanh từ tháng 9/2017; và giá tiêu, cà phê sụt giảm thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Vì vậy, Công ty dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018, như sau:

- Tổng doanh thu	:	85.247.513.000 đồng
- Lợi nhuận chưa PB CPQL, KHCB và lãi vay	:	22.219.581.943 đồng
- Khấu hao cơ bản	:	9.953.014.050 đồng
- Lãi vay ngân hàng	:	7.084.142.000 đồng
- Chi phí quản lý Doanh nghiệp	:	4.142.763.893 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	1.039.662.000 đồng
- Tiền lương bình quân (bằng KH 2017)	:	4.750.000 đồng
- Phụ cấp HĐQT và BKS: 2% / Tổng quỹ tiền lương thực tế tính vào giá thành.		

(xem Phụ lục 2 kế hoạch chi tiết các đơn vị trực thuộc kèm theo)

III. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác quảng bá tiếp thị:

Công ty tiếp tục củng cố nâng cao thương hiệu hướng tới thị trường mục tiêu là các đối tượng khách, các doanh nghiệp lữ hành đã xác định và hợp tác. Mở rộng thị trường mới để khai thác đối tượng khách hàng, chăm sóc khách hàng tiềm năng, tạo ra nhiều “Key Account” hàng năm. Đặc biệt, chú trọng khai thác thị trường khách nội địa vì đây là đối tượng khách mang doanh thu lớn nhất cho Công ty;

Hợp tác với các công ty truyền thông, tạp chí du lịch để quảng cáo, PR cho các khách sạn và thông qua trang web để bán phòng trực tuyến cho đối tượng là các doanh nhân, nhà đầu tư các dự án... khai thác thêm các kênh mạng bán phòng như Booking.com; Agoda, My tour, Hotel.com, Expedia, HotelQuickly, ivivu, ...; Quảng cáo trên Tripadvisor để tăng lượng khách đặt phòng qua mạng...;

Thông qua Phòng Kinh doanh & Tiếp thị của Tổng Công ty để đăng báo, bài viết; hỗ trợ công tác quảng bá các dịch vụ của Công ty, tranh thủ sự hỗ trợ của các đơn vị trong hệ thống nhằm tạo cầu nối, liên kết sức mạnh tập thể;

Do đối tượng khách của Công ty đa phần đến từ miền Bắc và miền Nam, nên Ban điều hành cần nhắc đặt Văn phòng kinh doanh đại diện tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để bán các sản phẩm và dịch vụ của Công ty cho các đơn vị trong hệ thống và cho cả hai thị trường tiềm năng ở hai đầu cầu đất nước;

Thiết lập tài khoản Facebook cho từng đơn vị trong hệ thống Công ty, yêu cầu các đơn vị cung cấp thông tin, hình ảnh thường xuyên, định kỳ và tiến hành quảng bá trên các phương tiện truyền thông xã hội này;

Đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá, tiếp thị, khai thác thị trường khách nội địa. Đồng thời xây dựng các chương trình du lịch nội địa đặc thù với giá cả cạnh tranh nhưng phải đảm bảo

chất lượng để chào bán cho các đối tác trong nước, các công ty, cơ quan ban, ngành trong tỉnh; Liên kết với các công ty lữ hành (đặc biệt là Công ty lữ hành Saigontourist) để xây dựng lại các chương trình tour đi nước ngoài đặc trưng, có lịch khởi hành hàng tháng;

Xây dựng các chương trình tham quan các tuyến điểm du lịch trong Tỉnh và trong thành phố Buon Ma Thuột để phong phú thêm các dịch vụ nhằm kéo dài thời gian lưu trú du khách;

Rà soát lại các chính sách hoa hồng, khuyến mãi và các ưu đãi đối với khách hàng. Đồng thời cho Nhân viên kinh doanh đi khảo sát thực tế để điều chỉnh lại các sản phẩm và dịch vụ của Công ty đang cung cấp cho phù hợp với xu thế cạnh tranh hiện nay của các nhà hàng, khách sạn trên bàn thành phố Buon Ma Thuột, đặc biệt là các trung tâm hội nghị tiệc cưới lớn như Thanh Lịch, Victory, Hoàng Lộc 3, Mường Thanh...

2. Công tác nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ:

Đối với phòng ngủ: Thường xuyên chăm sóc, trang trí phòng ngủ mới lạ, đẹp mắt, mang phong cách hiện đại, kiểm tra quy trình dọn phòng chặt chẽ, cắm hoa tươi hằng ngày để nâng chất lượng dịch vụ của phòng ngủ, welcome drink và đặt hoa trái cây từ loại phòng deluxe trở lên. Khắc phục những sai sót, dù là nhỏ nhất để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;

Đối với tiệc, tiệc cưới: Đẩy mạnh dịch vụ tiệc cưới với mức giá bình quân từ 2,3 triệu đồng/bàn; hoàn thiện quy trình tiệc cưới theo phong cách đổi mới, khác biệt so với các đơn vị kinh doanh tiệc cưới trên địa bàn nhằm khai thác thêm nhiều đối tượng khách hàng chi trả mức giá cao;

Tiếp tục ổn định và nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng món ăn. Xây dựng bộ thực đơn đa dạng, phong phú để thoả mãn sự lựa chọn của khách hàng. Phải đảm bảo tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm trong khâu chế biến hàng ăn;

Lựa chọn các nhà cung ứng thực phẩm, đấu thầu để cung ứng cho tất cả các nhà hàng trong Công ty. Nhằm đảm bảo về nguồn hàng, ổn định giá, ổn định chất lượng từ đó đảm bảo được vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm được giá thành là cơ sở giảm giá bán để thu hút khách nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

3. Công tác tổ chức nhân sự, thực hiện nội quy và quy chế:

Duy trì việc thực hiện nội quy, quy chế chặt chẽ, thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng của người lao động và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật theo từng giai đoạn để đề ra nhiệm vụ, biện pháp và phương hướng cho từng bộ phận, nhằm phát huy các thế mạnh, để kinh doanh đạt hiệu quả như mong muốn, cũng như việc thúc đẩy các phong trào thi đua, khen thưởng do Công ty phát động. Tiếp tục ổn định nguồn nhân lực về cả số lượng và chất lượng;

Tăng cường hoạt động của hai tổ chức đoàn thể: chỉ đạo Công đoàn, Đoàn thanh niên phát động các phong trào tạo sân chơi lành mạnh mang tính tập thể, tạo không khí phấn khởi thúc đẩy kinh doanh phát triển, áp dụng slogan “Mỗi nhân viên là một tiếp thị viên”;

Tính toán, rà soát lại khâu tổ chức nhân sự của từng đơn vị, của từng phòng ban để sắp xếp lại bộ máy thật hợp lý nhằm tăng tính hiệu quả trong việc điều hành và kinh doanh. Áp dụng

quy trình chuẩn vào công việc thực tế hàng ngày, đúng theo tiêu chuẩn Saigontourist và ISO 9001:2015;

Tiếp tục ổn định lao động về số lượng và chất lượng trong toàn Công ty. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn bằng nhiều hình thức: Đào tạo mới và đào tạo lại; cử đi đào tạo và đào tạo tại chỗ. Liên kết với các khách sạn trong hệ thống Tổng Công ty để gửi đi trao đổi kinh nghiệm thực tế để người lao động nắm bắt nhanh nghiệp vụ và tiết kiệm được chi phí;

Củng cố hoạt động kinh doanh của Sài Gòn – Ban Mê, Thành Công, Khu du lịch Hồ Lắk về ổn định tổ chức bộ máy người lao động; sửa chữa, tu bổ, mua sắm trang thiết bị, công cụ lao động; tăng cường chất lượng phục vụ để phục hồi và thu hút đối tượng khách bình dân.

4. Công tác mua sắm tập trung, quản lý chi phí:

Liên tục thăm dò và kiểm tra giá cả, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm... đầu vào của tất cả các loại mặt hàng. Thường xuyên theo sát Ban kiểm tra các nhà cung cấp để chỉnh đốn, nhắc nhở kịp thời khi có vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm... Tìm kiếm các nhà cung cấp có năng lực tài chính tốt để đàm phán mua hàng và nói rộng thời gian thanh toán;

Tiết kiệm chi phí điện, nước, nguyên vật liệu trong các dịch vụ và giáo dục ý thức sử dụng thang máy, điện, nước đến từng nhân viên. Sử dụng, tiết kiệm các loại nguyên vật liệu một cách hợp lý nhất nhằm giảm chi phí tăng hiệu quả. Đặc biệt là kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào như hàng chuyên bán, nguyên vật liệu (Ưu tiên mua hàng tại các hệ thống siêu thị, các công ty, cửa hàng lớn có uy tín);

Quy định giờ giấc hoạt động của nhà giặt, tranh thủ giặt ngoài giờ cao điểm nhằm tiết kiệm chi phí điện; nghiêm cấm việc sử dụng giặt, ủi đồ cá nhân của nhân viên tại nhà giặt...

5. Công tác phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự và vệ sinh an toàn thực phẩm:

Quản triệt toàn thể CBNV nắm rõ quy trình PCCC. Thường xuyên tập huấn và kiểm tra kỹ năng xử lý tình huống khi có sự cố xảy ra. Tổ chức diễn tập và rút ra kinh nghiệm thực tế để đề cao cảnh giác trong mọi tình huống. Ban PCCC báo cáo định kỳ và lập phương án PCCC trong các ngày lễ tết và có sự kiện lớn;

Thường xuyên nhắc nhở lãnh đạo các đơn vị kiểm tra, đôn đốc, giám sát chặt chẽ Bộ phận bảo vệ an ninh trật tự, cập nhật thông tin trên báo chí để học tập, rút kinh nghiệm qua các sự việc xảy ra trên cả nước. Bảo đảm tốt an ninh trật tự trong khu vực kinh doanh;

Định kỳ kiểm tra khám sức khỏe các bộ phận trực tiếp, lưu mẫu thức ăn hàng ngày và kiểm tra thường xuyên mẫu thức ăn, quản lý chặt chẽ về giá, nguồn gốc thực phẩm, nguyên vật liệu đầu vào. Đề cao cảnh giác về hành vi phá hoại gây thiệt hại về vệ sinh an toàn thực phẩm trong khâu chế biến.

6. Công tác chăm sóc và lắng nghe ý kiến khách hàng:

Đẩy mạnh việc thăm hỏi, lấy ý kiến và khuyến khích khách hàng để lại các phản hồi tốt cho từng đơn vị trên mạng, nhằm đẩy mạnh hơn công tác quảng bá thương hiệu. Đồng thời, đây cũng là kênh để lãnh đạo các đơn vị lắng nghe và nhìn lại các sản phẩm và dịch vụ đang cung cấp có phù hợp với thị hiếu của khách hàng chưa nhằm hoàn thiện và nâng cao để góp phần tăng tính cạnh tranh;

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở bằng các hoạt động tổ chức Hội nghị đối thoại định kỳ giữa Người sử dụng lao động và Người lao động để lắng nghe các ý kiến đóng góp, góp ý của khách hàng nội bộ (là CBNV của Công ty) nhằm phát huy tính dân chủ và thu hút các sáng kiến đóng góp tích cực của người lao động;

Ban điều hành mạnh dạn đưa ra Chính sách huê hồng để tăng tính kích cầu nhằm “tối đa doanh thu & tối ưu lợi nhuận”, tất cả trên tinh thần đoàn kết, gắn bó với nhau hơn giữa lãnh đạo và người lao động, khai thác tối đa sức mạnh tập thể.

7. Công tác đào tạo và tái đào tạo:

Với xu thế ngành du lịch đang phát triển không ngừng, còn rất nhiều kiến thức cần phải cập nhật, học hỏi. Ban điều hành Công ty giao cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, các trưởng phó phòng ban trực tiếp huấn luyện, đào tạo và tái đào tạo tại chỗ cho nhân viên. Đồng thời, gửi CBNV đi thực tế đến các khách sạn trong hệ thống Tổng Công ty để trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, kỹ năng ứng xử và xử lý tình huống, kỹ năng ngoại ngữ... nhằm đáp ứng tốt cho nhu cầu phục vụ. Chỉ đạo Phòng Nhân sự Công ty tích cực hơn trong việc tham mưu đẩy mạnh mảng đào tạo trong toàn Công ty.

8. Chế độ sinh hoạt của các tổ chức trong Công ty:

Trong Ban điều hành hầu hết là Bí thư các Chi bộ nên rất thuận lợi trong việc chỉ đạo và điều hành. Đồng chí Bí thư Đảng ủy Công ty cũng là Giám đốc Nhân sự nên nắm rất sát tình hình tư tưởng, thái độ, tư cách của từng đảng viên. Mạnh dạn “phê và tự phê”. Nhắc nhở tất cả các đảng viên nêu cao tinh thần tự chủ, dám nghĩ, dám làm, phát huy tính tiên phong của người đảng viên, làm gương cho quần chúng noi theo. Quán triệt và học tập nghị quyết, nhất là nghị quyết 08 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

Động viên, khích lệ tinh thần tự chủ, dân chủ của CBNV. Đẩy mạnh việc thực hiện khẩu hiệu “Mỗi nhân viên là một tiếp thị viên”, khuyến khích CBNV tăng cường quảng bá các sản phẩm và dịch vụ của Công ty, mạnh dạn áp dụng chính sách hoa hồng cho CBNV nhằm tăng thu nhập cho từng cá nhân và tăng doanh số cho Công ty;

Trên đây là một số mặt đã làm được và một số hạn chế còn tồn tại trong năm 2017. Đồng thời Công ty xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kinh doanh năm 2018. Kính mong nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban cố vấn ./.

Trân trọng!



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Đình Quý

BẢNG ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

NĂM 2017

(Phụ lục 1)

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016		NĂM 2017		% LƯU CHỮ 2017 (6) = (5)/(4)*100	TH 2017 SO VỚI TH 2016 (7) = (5)/(3)*100	SO SÁNH			GHI CHÚ	
		TH 2016		TH 2017				Tăng giảm TH 2017 với KH 2017	Tỷ lệ % (10) = (7) - 100	Số liền		Số liền
		(3)	(4)	(5)	(6)							
I	KS CAO NGUYỄN											
1	Tổng doanh thu	7.006.463.334	7.240.000.000	6.884.026.173	94%	94%	98%	(455.973.827)	-6%	(122.437.161)		
2	LN chưa PB CP/QLDN và KHCB	1.709.232.661	1.958.731.000	1.871.684.708	96%	96%	110%	(87.046.292)	-4%	162.452.047		
4	Trừ KHCB	308.638.932	298.308.000	298.308.050	100%	100%	97%	50	0%	(10.330.902)		
5	Lợi nhuận chưa PB CP/QLDN	1.400.593.709	1.660.423.000	1.573.376.658	95%	95%	112%	(87.046.342)	-5%	172.782.949		
6	Phần bổ chi phí QLDN	540.948.387	595.043.000	452.518.221	76%	76%	84%	(142.524.779)	-24%	(88.430.166)		
7	Lợi nhuận trước thuế	859.645.322	1.065.380.000	1.120.858.437	106%	106%	109%	55.478.437	5%	26.413.115		
II	KS TRẦN CÔNG											
1	Tổng doanh thu	684.203.819	1.600.000.000	1.065.995.816	67%	67%	156%	(534.004.184)	-33%	381.791.997		
2	LN chưa PB CP/QLDN và KHCB	590.841.225	447.629.000	20.198.070	5%	3%	95%	(427.430.930)	-95%	(570.643.155)		
4	Trừ KHCB	116.901.036	116.901.000	116.901.036	100%	100%	100%	0	0%	0		
5	Lợi nhuận chưa PB CP/QLDN	473.940.189	330.728.000	(96.702.966)	-29%	-20%	-129%	(427.430.966)	-129%	(570.643.155)		
6	Phần bổ chi phí QLDN	0	0	129.290.920	0%	0%	-100%	129.290.920	-100%	129.290.920		
7	Lợi nhuận trước thuế	(73.940.189)	330.728.000	(225.993.886)	-168%	-148%	-268%	(556.721.886)	-268%	(699.934.075)		
III	DU LỊCH HỒ LẮK											
1	Tổng doanh thu	699.865.603	2.197.513.000	2.196.191.832	100%	100%	317%	0	0%	0		
2	LN chưa PB CP/QLDN và KHCB	683.510.971	659.731.000	354.998.067	54%	54%	52%	(297.732.933)	-46%	(328.512.904)		
4	Trừ KHCB	477.393.528	404.688.000	404.688.171	100%	100%	85%	171	0%	(72.705.357)		
5	Lợi nhuận chưa PB CP/QLDN	206.117.443	248.043.000	(49.690.104)	-120%	-124%	-220%	(297.733.104)	-220%	(255.807.547)		
6	Phần bổ chi phí QLDN	0	0	0	0%	0%	-100%	0	-100%	0		
7	Lợi nhuận trước thuế	206.117.443	248.043.000	(49.690.104)	-120%	-124%	-220%	(297.733.104)	-220%	(255.807.547)		
IV	NH THẮNG LỢI - CVN											
1	Tổng doanh thu	15.845.727.000	16.645.000.000	14.038.878.183	84%	84%	89%	(2.606.121.817)	-16%	(1.806.848.817)		
	Trong đó: CVN	4.333.630.000	4.550.000.000	3.891.000.000	86%	86%	90%	(659.000.000)	-14%	(442.630.000)		
	Nhà hàng Thắng Lợi	11.512.097.000	12.095.000.000	10.147.878.183	84%	84%	88%	(1.947.121.817)	-16%	(1.364.218.817)		
2	LN chưa PB CP/QLDN và KHCB	1.675.105.765	2.433.981.000	2.223.386.682	91%	91%	133%	0	-9%	548.280.917		
4	Trừ KHCB	1.187.398.424	1.211.832.000	1.211.832.437	100%	100%	102%	437	0%	24.434.013		
5	Lợi nhuận chưa PB CP/QLDN	487.707.341	1.222.149.000	1.011.554.245	83%	83%	207%	(210.594.755)	-17%	523.846.904		
6	Phần bổ chi phí QLDN	1.018.255.787	1.089.533.000	856.552.347	79%	79%	84%	(232.980.653)	-21%	(161.703.440)		
7	Lợi nhuận trước thuế	(530.546.440)	132.616.000	(55.001.898)	-117%	-129%	-179%	(22.385.898)	-179%	(68.550.344)		
V	PHÒNG BƯỚNG DÂN DL											
1	Tổng doanh thu	3.466.443.739	3.640.000.000	1.675.494.684	46%	46%	48%	(1.964.505.316)	-54%	(1.790.949.055)		
2	Lợi nhuận chưa PB CP/QLDN và KHCB	86.871.247	92.952.000	17.006.590	18%	18%	20%	(75.945.410)	-82%	(69.864.657)		
4	Trừ KHCB	0	0	0	0%	0%	0%	0	-100%	0		
5	Lợi nhuận chưa PB CP/QLDN	86.871.247	92.952.000	17.006.590	18%	18%	20%	(75.945.410)	-82%	(69.864.657)		

STT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2016	NĂM 2017		% BT 2017	TỶ 2017 SO VỚI TH 2016	SO SÁNH			GHI CHÚ	
			KH	TH			Tăng giảm TH với KH 2017		Tăng giảm TH 2017 với TH 2016		
							Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %		Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)/(4)*100	(7) = (5)/(3)*100	(8) = (6) - 100	(9) = (5)-(4)	(10) = (7) - 100	(11) = (5)-(3)	
6	Phần bù chi phí QLDN	175.012.713	87.506.000	113.129.555	129%	65%	29%	25.623.555	-35%	(61.883.158)	
7	Lợi nhuận trước thuế	(88.141.466)	5.446.000	(96.137.965)	-1865%	109%	-1963%	(101.568.965)	-9%	(7.981.499)	
V1	KHAI CH SÀN SÀI GÒN - BAN MŨE							0		0	
1	Tổng doanh thu	37.320.563.815	40.243.000.000	31.978.009.432	79%	86%	-21%	(8.266.990.568)	-14%	(5.342.554.383)	
a	Doanh thu các dịch vụ	37.269.722.285	40.243.000.000	31.712.212.296	79%	85%	-21%	(8.532.787.704)	-13%	(5.557.509.989)	
b	Doanh thu hoạt động tài chính	5.675.540	0	3.447.481	0%	61%	-100%	3.447.481	-39%	(2.228.059)	
c	Doanh thu khác	45.165.990	0	262.349.655	0%	581%	-100%	262.349.655	481%	217.183.665	
2	LN chưa PB CPQL, KHCB và Lãi vay	13.366.319.982	16.360.899.000	11.349.053.421	69%	85%	-31%	(5.011.845.579)	-15%	(2.017.266.561)	
4	Trừ KHCB	7.887.593.618	7.913.506.000	7.967.710.215	101%	101%	1%	54.204.215	1%	80.116.597	
5	Trừ lãi vay	7.452.276.859	7.049.142.000	6.854.215.805	97%	92%	-3%	(194.926.195)	-8%	(598.061.054)	
6	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	(1.973.550.495)	1.398.251.000	(3.472.872.599)	-348%	176%	-448%	(4.871.123.599)	76%	(1.499.322.104)	
6	Phần bù chi phí QLDN	1.845.588.614	2.030.147.000	1.838.556.980	92%	101%	-8%	(171.590.020)	1%	12.968.366	
7	Lợi nhuận trước thuế	(3.819.139.109)	(631.896.000)	(5.331.429.579)	844%	140%	-744%	(4.699.533.579)	-40%	(1.312.290.470)	
VII	VPCTY (PB BIA, SGON, YCHH, VCDL,....)							0		0	
1	Tổng doanh thu	13.769.724.698	13.580.000.000	13.816.632.394	102%	100%	2%	236.632.394	0%	46.907.696	
a	Doanh thu bán buôn bia, VCHH, VCDL	13.602.692.610	13.580.000.000	11.741.848.088	86%	86%	-14%	(1.838.151.912)	-14%	(1.860.844.522)	
b	DT HĐTC	48.300.360	0	731.294.555	0%	1514%	-100%	731.294.555	-1414%	682.994.195	
c	Doanh thu khác	118.731.728	0	1.343.489.751	0%	1132%	-100%	1.343.489.751	1032%	1.224.758.023	
2	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN và KHCB	146.840.973	261.998.000	1.923.779.425	734%	310%	654%	1.661.781.425	1210%	1.776.938.452	
a	Lợi nhuận bán buôn bia, VCHH, VCDL	22.889.101	26.092.000	(80.398.569)	-308%	-354%	-408%	(106.490.569)	-454%	(103.087.670)	
b	Thu nhập HĐTC	48.300.360	14.880.000	354.101.700	0%	733%	-100%	339.421.700	633%	305.801.340	
c	Thu nhập khác	75.851.512	120.000.000	1.265.104.287	0%	1668%	-100%	1.145.104.287	1568%	1.189.252.775	
3	Trừ KHCB	7.779.156	7.779.000	7.779.152	100%	100%	0%		0%		
4	Trừ lãi vay ngắn hạn	30.389.231	35.000.000	377.192.855							
5	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	108.672.886	254.219.000	1.538.307.418	605%	1416%	505%	1.284.588.418	1316%	1.430.134.832	
6	Phần bù chi phí QLDN	47.730.740	52.503.000	48.484.095	0%	0%	0%			753.355	
7	Lợi nhuận trước thuế	(60.941.846)	(201.716.000)	(1.490.329.323)	739%	2845%	-639%	(1.288.607.323)	-2345%	(1.493.381.677)	
VIII	Tổng công doanh thu	78.786.992.008	85.247.513.000	71.655.228.514	84%	91%	-16%	(13.592.284.486)	-9%	(7.131.763.494)	
	Trong đó: Doanh thu HĐKD chính	78.569.118.390	85.247.513.000	69.314.647.072							
	Doanh thu HĐTC và TN khác	217.873.618	0	2.340.581.442							
IX	Tổng LN chưa PB CPQLDN, KHCB và Lãi vay	18.258.722.824	22.208.971.000	17.760.106.963	80%	97%	-20%	(4.448.814.037)	-3%	(498.625.861)	
X	Phần bù chi phí QLDN	3.627.536.241	3.854.732.000	3.458.532.118	90%	95%	-10%	(396.199.882)	-5%	(169.004.123)	
XI	Trừ KHCB	9.985.704.714	9.953.014.000	10.007.219.061	101%	100%	1%	54.205.061	0%	21.514.347	
XII	Trừ lãi vay ngắn hạn	7.482.666.090	7.084.142.000	7.231.408.560	102%	97%	2%	147.266.660	4%	(251.257.430)	
XIII	Tổng lợi nhuận trước thuế (Lỗ)	(2.837.184.221)	1.317.083.000	(2.937.052.876)	-323%	104%	-423%	(6.254.085.876)	4%	(89.868.655)	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đoàn Đình Quý

Handwritten signature

Chỉ phí QLDN giảm so với 2016 là do tiền thuê đất Đ/C theo NĐ 135/NĐ-CP

BẢNG KẾ HOẠCH KINH DOANH CÁC ĐƠN VỊ
NĂM 2018
 (Phụ lục 2)

STT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2016		NĂM 2017		KHI NĂM 2018	KING, GIẢM KH 2018 SO VỚI TH 2017		GHI CHÚ
		(3)	(4)	(5)	(6)		Tỷ lệ % (7) = (6)/(5)*100	Số tiền (8) = (6) - (5)	
I	KS CAO NGUYỄN								
1	Tổng doanh thu	7.006.463.334	7.340.000.000	6.884.026.173	7.500.000.000	615.973.827	109%		
2	LN chưa PB CPQLDN và KHCB	1.709.232.661	1.938.731.000	1.871.684.708	1.965.268.943	93.584.235	105%	Do tiền thuế đất Đ/C theo NĐ 135	
4	Trừ KHCB	308.638.952	298.308.050	298.308.050	298.308.050	-	100%		
5	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	1.400.593.709	1.660.423.000	1.573.376.658	1.666.960.893	93.584.235	106%		
6	Phân bổ chi phí QLDN	540.948.387	595.043.000	452.518.221	601.580.893	149.062.672	133%		
7	Lợi nhuận trước thuế	859.645.322	1.065.380.000	1.120.858.437	1.065.380.000	(55.478.437)	99%		
II	KS THANH CÔNG								
1	Tổng doanh thu	684.203.819	1.600.000.000	1.065.995.816	1.676.000.000	610.004.184	157%	Do bên thuế đã trả lại MB cho Cty KD	
2	LN chưa PB CPQLDN và KHCB	590.841.225	447.629.000	20.198.070	489.272.000	469.073.930	2422%		
4	Trừ KHCB	116.901.036	116.901.000	116.901.036	116.901.000	0	100%		
5	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	473.940.189	330.728.000	(96.702.966)	372.371.000	469.073.966	-385%		
6	Phân bổ chi phí QLDN	0	0	129.290.920	122.371.000	(6.919.920)	0%		
7	Lợi nhuận trước thuế	473.940.189	330.728.000	(225.993.886)	250.000.000	475.993.886	-111%		
III	DU LỊCH HỒ LẮK								
1	Tổng doanh thu	693.865.603	2.197.513.000	2.196.191.832	4.032.500.000	1.836.308.168	184%		
2	LN chưa PB CPQLDN và KHCB	683.510.971	652.731.000	354.998.067	606.088.000	251.089.933	171%	Do KHCB giảm so với năm 2016	
4	Trừ KHCB	477.393.528	404.688.000	404.688.171	404.688.000	(171)	100%		
5	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	206.117.443	248.043.000	(49.690.104)	201.400.000	251.090.104	-405%		
6	Phân bổ chi phí QLDN	0	0	(49.690.104)	150.000.000	150.000.000	0%		
7	Lợi nhuận trước thuế	206.117.443	248.043.000	(49.690.104)	51.400.000	101.090.104	-103%		
IV	NE THĂNG LỢI - CVN								
1	Tổng doanh thu	15.845.727.000	16.645.000.000	14.038.878.183	16.645.000.000	2.606.121.817	119%		
	Trong đó: CVN	4.333.630.000	4.550.000.000	3.891.000.000	4.550.000.000	659.000.000	117%		
	Nhà hàng Thăng Lợi	11.512.097.000	12.095.000.000	10.147.878.183	12.095.000.000	1.947.121.817	119%		
2	LN chưa PB CPQLDN và KHCB	1.675.105.765	2.433.981.000	2.223.386.682	2.433.981.000	210.594.318	109%	Do tiền thuế đất Đ/C theo NĐ 135	
4	Trừ KHCB	1.187.398.424	1.211.832.000	1.211.832.437	1.211.832.000	(437)	100%		
5	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	487.707.341	1.222.149.000	1.011.554.245	1.222.149.000	210.594.755	121%		
6	Phân bổ chi phí QLDN	1.018.255.787	1.089.533.000	856.552.347	1.089.533.000	232.980.653	127%		
7	Lợi nhuận trước thuế	(530.548.446)	132.616.000	155.001.898	132.616.000	(22.385.898)	86%		
V	PHÔNG HUÔNG DÂN DL								
1	Tổng doanh thu	3.466.443.739	3.640.000.000	1.675.494.684	2.200.000.000	524.505.316	131%		
2	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN và KHCB	86.871.247	92.952.000	17.006.590	107.075.000	90.068.410	630%		
4	Trừ KHCB	0	0	0	0	0	0%		
5	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	86.871.247	92.952.000	17.006.590	107.075.000	90.068.410	630%		
6	Phân bổ chi phí QLDN	175.012.713	87.506.000	113.129.555	101.629.000	(11.500.555)	90%	Do giảm 50 % lao động so với năm 2016	
7	Lợi nhuận trước thuế	(88.141.466)	5.446.000	(96.122.965)	5.446.000	101.568.965	-6%		
VI	KẾ ÁCH SAN SÀI GÒN - BAN MẸ								
1	Tổng doanh thu	37.320.563.815	40.245.000.000	31.978.009.432	39.614.013.000	7.636.003.568	124%		
a	Doanh thu các dịch vụ	37.269.722.285	40.245.000.000	31.712.212.296	39.614.013.000	7.901.800.704	125%		
b	Doanh thu hoạt động tài chính	5.675.540	0	3.447.481	0	-	0%		
c	Doanh thu khác	45.165.990	0	262.349.655	0	-	0%		
2	LN chưa PB CPQL, KHCB và Lãi vay	13.366.319.982	16.360.899.000	11.349.053.421	16.360.899.000	5.011.845.579	144%	Do tiền thuế đất Đ/C theo NĐ 135	

T	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2016		NĂM 2017		KCH NĂM 2018	NG, GIÁM KCH 2018 SO VỚI TH 2017		GHI CHÚ
		(3)	(4)	(5)	(6)		Tỷ lệ % (7) = (6)/(5)*100	Số tiền (8) = (6) - (5)	
	Trừ KHCB	7.887.593.618	7.913.506.000	7.967.710.215	7.913.506.000	99%	(54.204.215)		
	Trừ lãi vay	7.452.276.859	7.049.142.000	6.854.215.805	7.049.142.000	103%	194.926.195		
	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	(1.973.550.495)	1.398.251.000	(3.472.872.599)	1.398.251.000	-40%	4.871.123.599		
	Phần bổ chi phí QLDN	1.845.588.614	2.030.147.000	1.858.556.980	2.030.147.000	109%	171.590.020		
	Lợi nhuận trước thuế	(3.819.139.109)	(631.896.000)	(5.331.429.579)	(631.896.000)	12%	4.699.533.575		
II	VPCTY (BB BIA SGOON, VCHH, VCDL.....)							C	
	Tổng doanh thu	13.769.724.698	13.580.000.000	13.816.632.394	13.580.000.000	98%	(236.632.394)		
	Doanh thu bán buôn bia, VCHH, VCDL	13.602.692.610	13.580.000.000	11.741.848.088	13.580.000.000	116%	1.838.151.912		
	DT HĐTC	48.300.360	0	731.294.555	0	0%	(731.294.555)		
	Doanh thu khác	118.731.728	0	1.343.489.751	0	0%	(1.343.489.751)		
	Lợi nhuận chưa PB CPQL, KHCB và L vay	146.840.973	261.998.000	1.923.779.425	256.998.000	13%	(1.666.781.425)		
	Lợi nhuận bán buôn bia, VCHH, VCDL	22.689.101	26.092.000	(80.398.569)	214.219.000	-266%	294.617.569		
	Thu nhập HĐTC	48.300.360	14.680.000	354.101.700	0	0%	(354.101.700)		
	Thu nhập khác	75.851.512	120.000.000	1.265.104.287	0	0%	(1.265.104.287)		
	Trừ KHCB	7.779.156	7.779.000	7.779.152	7.779.000	100%	0		
	Trừ lãi vay ngắn hạn	30.389.231	35.000.000	377.192.855	35.000.000	9%			
	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	108.672.586	254.219.000	1.538.807.418	214.219.000	14%	(1.324.588.418)		
	Phần bổ chi phí QLDN	47.730.740	52.503.000	48.484.095	47.503.000	98%	(981.095)		
	Lợi nhuận trước thuế	60.941.846	201.716.000	1.490.323.323	166.716.000	11%	(1.323.607.323)		
III	Tổng cộng doanh thu	78.786.992.008	85.247.513.000	71.655.228.514	85.247.513.000	119%	13.592.284.486		
	Trong đó: Doanh thu HĐKD chính	78.569.118.390	85.112.833.000	69.314.647.072	85.247.513.000	123%	15.932.865.928		
	Doanh thu HĐTC và TN khác	217.873.618	134.680.000	2.340.581.442	0	0%	(2.340.581.442)		
X	Tổng LN chưa PB CPQLDN, KHCB VÀ	18.258.722.824	22.208.921.000	17.760.106.963	22.219.581.943	125%	4.459.474.980		
X	Phần bổ chi phí QLDN	3.627.536.241	3.854.731.999	3.458.532.118	4.142.763.893	120%	684.231.775		
II	Trừ KHCB	9.985.704.714	9.953.014.000	10.007.219.061	9.953.014.050	99%	(54.205.011)		
II	Trừ lãi vay ngân hàng	7.482.666.090	7.084.142.000	7.231.408.660	7.084.142.000	98%	(147.266.660)		
III	Tổng lợi nhuận trước thuế (Lỗ)	(2.837.184.221)	1.317.033.001	(2.937.052.876)	1.039.662.000	-35%	3.976.714.876		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Handwritten signature

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2016 - 2017

stt	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	TĂNG, GIẢM		GHI CHÚ
				SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THỐNG KÊ					
1	Tổng số lượt khách					
	- Khách quốc tế					
	- Khách nội địa					
A	TỔNG DOANH THU	78.569.118.783	69.314.647.072	(9.254.471.711)	-12%	
1	DT phòng ngủ	19.595.268.851	20.006.050.571	410.781.720	2%	
2	DT hàng ăn, GK	27.557.315.133	23.908.236.029	(3.649.079.104)	-13%	
3	DT hàng hóa bán buôn	13.567.593.173	11.671.829.278	(1.895.763.895)	-14%	
4	DT hàng hóa bán lẻ	3.583.894.095	2.900.420.048	(683.474.047)	-19%	
6	DT khác (Đthoại, giữ xe, giặt ủi,)	1.861.374.058	1.514.402.251	(346.971.807)	-19%	
7	DT dịch vụ du lịch, vĩ công CVN	6.529.183.978	5.053.857.413	(1.475.326.565)	-23%	
8	DT vận chuyển du lịch	1.009.519.085	632.822.717	(376.696.368)	-37%	
10	DT mặt bằng	3.713.966.796	2.497.720.650	(1.216.246.146)	-33%	
12	Phí phục vụ	1.151.003.614	1.129.308.115	(21.695.499)	-2%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	0	0			
C	DOANH THU THUẦN	78.569.118.783	69.314.647.072	(9.254.471.711)	-12%	
D	TỔNG CHI PHÍ	70.438.510.837	63.724.117.956	(6.714.392.881)	-10%	
1	Bảo hiểm khách	109.085.780	114.918.000	5.832.220	5%	
2	Chi phí Bảo hiểm thất nghiệp	84.484.694	86.410.033	1.925.339	2%	
3	Chi phí bảo thân thể	31.656.714	13.956.000	(17.700.714)	-56%	
4	Chi phí bảo hiểm xã hội	1.516.730.614	1.528.285.354	11.554.740	1%	
5	Chi phí bảo hiểm y tế	253.454.065	259.170.082	5.716.017	2%	
6	Công cụ dụng cụ	1.158.489.804	1.136.913.832	(21.575.972)	-2%	
7	Chi phí khấu hao TSCĐ	9.985.704.714	10.007.219.058	21.514.344	0%	
8	Chi phí điện nước	3.612.801.864	3.415.777.399	(197.024.465)	-5%	
9	Chi phí điện thoại, truyền hình cáp	155.811.598	163.663.550	7.851.952	5%	
10	Hướng dẫn du lịch	1.976.120.252	979.721.950	(996.398.302)	-50%	
11	Chi phí hoa hồng, khuyến mãi	742.753.563	814.319.601	71.566.038	10%	
12	Chi phí KPCĐ	168.820.495	172.553.163	3.732.668	2%	
13	Chi phí tiền lương	11.988.098.788	11.754.393.777	(233.705.011)	-2%	
14	Chi phí thuê lao động	0	65.700.000	65.700.000	0%	
15	Nguyên vật liệu	12.839.363.432	11.782.931.953	(1.056.431.479)	-8%	
16	Sửa chữa nhỏ thường xuyên	417.359.706	636.984.186	219.624.480	53%	
17	Chi phí VPP, báo chí, vệ sinh	647.889.114	464.745.773	(183.143.341)	-28%	
18	Xử lý côn trùng	102.000.000	94.000.000	(8.000.000)	-8%	
19	Chi phí may trang phục (bảo hộ lao động)	78.100.000	72.973.818	(5.126.182)	-7%	
20	Chi phí quảng cáo, in ấn báo chí	214.403.606	180.866.859	(33.536.747)	-16%	
21	Chi phí DVNM	298.081.310	75.396.837	(222.684.473)	-75%	
22	Chi phí VCDL	759.487.190	335.534.454	(423.952.736)	-56%	
23	Chi phí mua đá	34.105.000	69.732.000	35.627.000	104%	
24	Chi phí môi trường	23.809.525	23.809.524	(1)	0%	
25	Chi phí khám sức khỏe	10.777.643	19.345.882	8.568.239	80%	
26	Chi phí hoa hồng cộng tác viên	2.400.000	0	(2.400.000)	-100%	
27	Chi phí tuyển điểm	2.400.000	0	(2.400.000)	-100%	
28	Chi phí ăn ca	729.727.000	748.945.718	19.218.718	3%	
29	Chi phí ăn sáng phòng ngủ	2.563.997.974	2.542.764.869	(21.233.105)	-1%	
30	Bảo hiểm xe	0	46.654.042	46.654.042	0%	
31	Chi phí giặt ủi + giữ xe	22.810.000	22.488.000	(322.000)	-1%	
32	Chi phí tiền thuê đất	2.456.451.375	1.176.439.395	(1.280.011.980)	-52%	
33	Chi phí thuê môn bài	1.600.000	5.000.000	4.000.000	400%	
34	Thuế đất phi nông nghiệp	137.888.682	126.975.021	(10.913.661)	-8%	
35	Giá vốn hàng chuyển bán	15.497.141.339	13.374.996.504	(2.122.144.835)	-14%	
36	Chi phí hội nghị	206.195.128	391.697.928	185.502.800	90%	
37	Kiểm định thang may	43.636.364	32.727.273	(10.909.091)	-25%	
38	Bảo hiểm tài sản	109.469.800	0	(109.469.800)	-100%	
39	Công tác phí	17.762.658	7.626.002	(10.136.656)	-57%	
40	Chi phí mất việc làm	18.734.250	81.221.750	62.487.500	334%	
41	Chi phí tiếp khách	33.344.317	13.692.522	(19.651.795)	-59%	
42	Chi phí đào tạo	2.440.000	0	(2.440.000)	-100%	
43	Chi phí chung	632.695.545	49.487.185	(583.208.360)	-92%	
44	Lệ phí khác; chi phí khác	158.662.735	283.600.642	124.937.907	79%	

stt	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	TĂNG, GIẢM		GHI CHÚ
				SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
45	Chi phí PCCC an toàn lao động	16.958.000	2.708.000	(14.250.000)	-84%	
46	Chi phí nhiên liệu, bốc xếp	575.406.199	547.770.020	(27.636.179)	-5%	
E	LÃI KINH DOANH	8.130.607.946	5.590.529.116	(2.540.078.830)	-31%	
F	Phân bổ chi phí QLDN	3.627.536.241	3.458.532.120	(169.004.121)	-5%	
G	LÃI KINH DOANH sau khi phân bổ	4.503.071.705	2.131.996.996	(2.371.074.709)	-53%	
H	LÃI NGOÀI KD	(7.340.255.926)	(5.069.049.871)	2.271.206.055	-31%	
1	Lãi HĐTC	(7.428.690.190)	(6.496.666.624)	932.023.566	-13%	
-	Thu nhập HĐTC	53.975.900	734.742.036	680.766.136	1261%	
-	Chi phí HĐTC	7.482.666.090	7.231.408.660	(251.257.430)	-3%	
	Trong đó: Chi phí lãi vay	7.482.666.090	7.231.408.660	(251.257.430)	-3%	
2	Lãi khác	88.434.264	1.427.616.753	1.339.182.489	1514%	
-	Thu nhập khác	163.897.718	1.605.839.406	1.441.941.688	880%	
-	Chi phí khác	75.463.454	178.222.653	102.759.199	136%	
K	LÃI TRƯỚC THUẾ (K= G + H)	(2.837.184.221)	(2.937.052.875)	(99.868.654)	4%	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Khánh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VL



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Đình Quý

CÔNG TY CP DU LỊCH ĐẮK LẮK

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NHÀ HÀNG THẮNG LỢI - CVN
NĂM 2016 - 2017

STT	CHỈ TIÊU			TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2016	2017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THỐNG KÊ					
1	Tổng số lượt khách					
	- Khách quốc tế					
A	TỔNG DOANH THU	15,845,727,393	14,038,878,183	(1,806,849,210)	-11%	
1	DT hàng ăn, GK	10,409,931,028	9,177,410,454	(1,232,520,574)	-12%	
2	DT hàng hoá bán lẻ	904,762,728	808,823,635	(95,939,093)	-11%	
3	DT khác (Đthoại, giữ xe, giặt ủi,)	486,360,911	418,666,820	(67,694,091)	-14%	
4	DT dịch vụ du lịch, vé công CVN	3,991,763,634	3,562,431,818	(429,331,816)	-11%	
5	DT mặt bằng	52,909,092	69,090,910	16,181,818	31%	
6	Phí phục vụ	-	2,454,546	2,454,546	0%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	-	-	-	0%	
C	DOANH THU THUẦN	15,845,727,393	14,038,878,183	(1,806,849,210)	-11%	
D	TỔNG CHI PHÍ	15,358,020,052	13,027,323,938	(2,330,696,114)	-15%	
1	Bảo hiểm khách	83,179,000	68,822,000	(14,357,000)	-17%	
2	Chi phí bảo hiểm thất nghiệp	25,397,615	22,769,382	(2,628,233)	-10%	
3	Bảo hiểm thân thể	12,975,357	5,238,000	(7,737,357)	-60%	
4	Chi phí bảo hiểm xã hội	457,157,157	403,340,818	(53,816,339)	-12%	
5	Chi phí bảo hiểm y tế	76,192,858	68,308,141	(7,884,717)	-10%	
6	Công cụ dụng cụ	178,067,097	169,512,104	(8,554,993)	-5%	
7	Chi phí khấu hao TSCĐ	1,187,398,424	1,211,832,437	24,434,013	2%	
8	Chi phí điện nước	346,727,851	295,602,044	(51,125,807)	-15%	
9	Chi phí điện thoại, truyền hình cáp	17,692,565	18,238,940	546,375	3%	
10	Chi phí hoa hồng, khuyến mãi	461,207,000	564,346,000	103,139,000	22%	
11	Chi phí kinh phí công đoàn	50,795,241	45,654,317	(5,140,924)	-10%	
12	Chi phí tiền lương	3,833,351,820	3,096,059,661	(737,292,159)	-19%	
13	Nguyên vật liệu	5,418,408,922	4,736,238,690	(682,170,232)	-13%	
14	Sửa chữa nhỏ thông xuyên	111,620,000	212,649,500	101,029,500	91%	
15	Chi phí VPP, báo chí, vệ sinh	207,354,524	98,806,314	(108,548,210)	-52%	
16	Xử lý côn trùng	13,090,908	13,090,908	-	0%	
17	Chi phí may trang phục	24,900,000	17,400,000	(7,500,000)	-30%	
18	Chi phí quảng cáo, in ấn báo chí	-	25,117,273	25,117,273	0%	
19	Chi phí mua đá	24,835,000	21,167,000	(3,668,000)	-15%	
20	Chi phí khám sức khỏe	-	6,361,412	6,361,412	0%	
21	Chi phí ăn ca	215,009,000	188,945,000	(26,064,000)	-12%	
22	Chi phí tiền thuê đất	1,786,617,000	913,159,800	(873,457,200)	-49%	
23	Chi phí thuê môn bài	-	1,000,000	1,000,000	0%	
24	Thuế đất phi nông nghiệp	93,214,800	85,757,616	(7,457,184)	-8%	
25	Giá vốn hàng chuyển bán	732,827,913	672,806,309	(60,021,604)	-8%	
26	Lệ phí khác; chi phí khác	-	65,100,272	65,100,272	0%	
E	LÃI KINH DOANH	487,707,341	1,011,554,245	523,846,904	107%	
-	Phân bổ chi phí QLDN	1,018,255,787	856,552,347	- 161,703,439.52	-16%	
-	LÃI KD sau khi phân bổ	487,707,341	155,001,898	(332,705,443)	-68%	
-	Lãi KD	-	-	-	0%	
-	Lãi PPV	-	-	-	0%	
F	LÃI NGOÀI KD	-	-	-	0%	
1	Lãi HĐTC	-	-	-	0%	
-	Thu nhập HĐTC	-	-	-	0%	
-	Chi phí HĐTC	-	-	-	0%	
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	0%	
2	Lãi khác	-	-	-	0%	
-	Thu nhập khác	-	-	-	0%	
-	Chi phí khác	-	-	-	0%	
G	LÃI TRƯỚC THUẾ	(530,548,446)	155,001,898	685,550,344	129%	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Handwritten signature

KẾ TOÁN TRƯỞNG

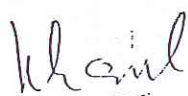
Handwritten signature



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH KHÁCH SẠN THÀNH CÔNG
NĂM 2016 - 2017

STT	CHỈ TIÊU	NĂM		TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2016	2017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THỐNG KÊ					
1	Tổng số lượt khách	-	3,363	3,363	0%	
	- Khách quốc tế	-	81	81	0%	
A	TỔNG DOANH THU	684,203,819	1,065,995,816	381,791,997	56%	
1	DT phòng ngủ	79,964,675	933,506,494	853,541,819	1067%	
2	DT hàng ăn, GK	-	36,843,636	36,843,636	0%	
3	DT hàng hoá bán lẻ	1,781,818	37,402,729	35,620,911	1999%	
4	DT khác (Đthoại, giữ xe, giặt ủi,)	445,456	11,581,818	11,136,362	2500%	
5	DT mặt bằng	598,013,636	-	(598,013,636)	-100%	
6	Phí phục vụ	3,998,234	46,661,139	42,662,905	1067%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	-	-	-	0%	
C	DOANH THU THUẦN	684,203,819	1,065,995,816	381,791,997	56%	
D	TỔNG CHI PHÍ	210,263,630	1,162,698,779	952,435,149	453%	
1	Bảo hiểm khách	3,065,780	5,031,000	1,965,220	64%	
2	Chi phí bảo hiểm thất nghiệp	208,570	2,676,871	2,468,301	1183%	
3	Bảo hiểm thân thể	-	679,000	679,000	0%	
4	Chi phí bảo hiểm xã hội	1,059,480	47,360,791	46,301,311	4370%	
5	Chi phí bảo hiểm y tế	625,710	8,030,611	7,404,901	1183%	
6	Công cụ dụng cụ	3,807,500	55,323,839	51,516,339	1353%	
7	Chi phí khấu hao TSCĐ	116,901,036	116,901,033	(3)	0%	
8	Chi phí điện nước	4,095,638	138,930,766	134,835,128	3292%	
9	Chi phí điện thoại, truyền hình cáp	-	23,238,609	23,238,609	0%	
10	Chi phí hoa hồng, khuyến mãi	-	2,490,000	2,490,000	0%	
11	Chi phí kinh phí công đoàn	299,420	5,058,467	4,759,047	1589%	
12	Chi phí tiền lương	28,991,837	551,731,546	522,739,709	1803%	
13	Nguyên vật liệu	2,811,700	23,799,456	20,987,756	746%	
14	Sửa chữa nhỏ thông xuyên	10,990,033	105,503,903	94,513,870	860%	
15	Chi phí VPP, báo chí, vệ sinh	2,912,273	-	(2,912,273)	-100%	
16	Chi phí may trang phục	-	2,100,000	2,100,000	0%	
17	Chi phí ăn ca	-	27,398,000	27,398,000	0%	
18	Chi phí ăn sáng phòng ngủ	-	2,138,000	2,138,000	0%	
19	Chi phí tiền thuê đất	32,099,375	20,672,157	(11,427,218)	-36%	
20	Chi phí thuê môn bài	-	1,000,000	1,000,000	0%	
21	Thuế đất phi nông nghiệp	1,674,750	1,684,320	9,570	1%	
22	Giá vốn hàng chuyển bán	720,528	17,595,379	16,874,851	2342%	
23	Lệ phí khác; chi phí khác	-	3,355,031	3,355,031	0%	
E	LÃI KINH DOANH	473,940,189	(96,702,963)	(570,643,152)	-120%	
-	Phân bổ chi phí QLDN	-	129,290,920	129,290,920	0%	
-	LÃI KD sau khi phân bổ	473,940,189	(225,993,883)	(699,934,072)	-148%	
-	Lãi KD	-	-	-	0%	
-	Lãi PPV	-	-	-	0%	
F	LÃI NGOÀI KD	-	-	-	0%	
1	Lãi HĐTC	-	-	-	0%	
-	Thu nhập HĐTC	-	-	-	0%	
-	Chi phí HĐTC	-	-	-	0%	
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	0%	
2	Lãi khác	-	-	-	0%	
-	Thu nhập khác	-	-	-	0%	
-	Chi phí khác	-	-	-	0%	
G	LÃI TRƯỚC THUẾ	473,940,189	(225,993,883)	(699,934,072)	-148%	

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



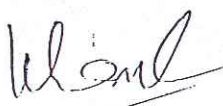

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH KHÁCH SẠN CAO NGUYÊN
NĂM 2016 - 2017

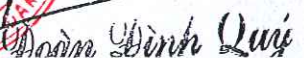
STT	CHỈ TIÊU			TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2,016	2,017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THỐNG KÊ					
1	Tổng số lượt khách	10,273	10,221	-52	-1%	
	- Khách quốc tế	342	165	-177	-52%	
A	TỔNG DOANH THU	7,006,463,334	6,884,026,173	(122,437,161)	-2%	
1	DT phòng ngủ	3,763,085,936	3,822,687,444	59,601,508	2%	
2	DT hàng ăn, GK	1,934,153,275	1,724,397,274	(209,756,001)	-11%	
3	DT hàng hoá bán lẻ	292,933,637	251,919,088	(41,014,549)	-14%	
4	DT khác (Đthoại, giữ xe, giặt ủi,)	274,276,357	245,300,905	(28,975,452)	-11%	
5	DT mặt bằng	553,454,543	648,272,731	94,818,188	17%	
6	Phí phục vụ	188,559,586	191,448,731	2,889,145	2%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ				0%	
C	DOANH THU THUẦN	7,006,463,334	6,884,026,173	(122,437,161)	-2%	
D	TỔNG CHI PHÍ	5,605,869,625	5,310,649,515	(295,220,110)	-5%	
1	Bảo hiểm khách	15,189,000	16,567,000	1,378,000	9%	
2	Chi phí bảo hiểm thất nghiệp	13,270,440	13,108,390	(162,050)	-1%	
3	Bảo hiểm thân thể	6,459,357	2,813,000	(3,646,357)	-56%	
4	Chi phí bảo hiểm xã hội	238,867,927	232,173,904	(6,694,023)	-3%	
5	Chi phí bảo hiểm y tế	39,811,320	39,325,156	(486,164)	-1%	
6	Công cụ dụng cụ	104,576,215	96,082,142	(8,494,073)	-8%	
7	Chi phí khấu hao TSCĐ	308,638,952	298,308,050	(10,330,902)	-3%	
8	Chi phí điện nước	512,137,362	485,710,290	(26,427,072)	-5%	
9	Chi phí điện thoại, truyền hình cáp	31,499,753	25,985,257	(5,514,496)	-18%	
10	Chi phí hoa hồng, khuyến mãi	51,849,365	42,782,909	(9,066,456)	-17%	
11	Chi phí kinh phí công đoàn	26,540,887	26,157,366	(383,521)	-1%	
12	Chi phí tiền lương	1,731,543,805	1,797,973,076	66,429,271	4%	
13	Nguyên vật liệu	1,095,121,176	1,069,277,168	(25,844,008)	-2%	
14	Sửa chữa nhỏ thông xuyên	171,127,000	93,571,000	(77,556,000)	-45%	
15	Chi phí VPP, báo chí, vệ sinh	135,343,596	89,793,352	(45,550,244)	-34%	
16	Xử lý côn trùng	10,909,092	10,909,092	-	0%	
17	Chi phí may trang phục	10,800,000	-	(10,800,000)	-100%	
18	Chi phí mua đá	9,270,000	8,775,000	(495,000)	-5%	
19	Chi phí khám sức khỏe	-	2,120,470	2,120,470	0%	
20	Chi phí ăn ca	107,275,000	98,827,000	(8,448,000)	-8%	
21	Chi phí ăn sáng phòng ngủ	423,608,000	499,844,941	76,236,941	18%	
22	Chi phí giặt ủi + giữ xe	22,810,000	22,488,000	(322,000)	-1%	
23	Chi phí tiền thuê đất	296,642,500	102,342,768	(194,299,732)	-65%	
24	Chi phí thuê môn bài	-	1,000,000	1,000,000	0%	
25	Thuế đất phi nông nghiệp	15,477,000	11,674,080	(3,802,920)	-25%	
26	Giá vốn hàng chuyển bán	227,101,878	195,825,711	(31,276,167)	-14%	
27	Lệ phí khác; chi phí khác	-	27,214,393	27,214,393	0%	
E	LÃI KINH DOANH	1,400,593,709	1,573,376,658	172,782,949	12%	
-	Phân bổ chi phí QLDN	540,948,387	452,518,221	(88,430,166)	-16%	
-	LÃI KD sau khi phân bổ	859,645,322	1,120,858,437	261,213,115	30%	
-	Lãi KD	-	-	-	0%	
-	Lãi PPV	-	-	-	0%	
F	LÃI NGOÀI KD				0%	
1	Lãi HĐTC	-	-	-	0%	
-	Thu nhập HĐTC	-	-	-	0%	
-	Chi phí HĐTC	-	-	-	0%	
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	-	-	-	0%	
2	Lãi khác	-	-	-	0%	
-	Thu nhập khác	-	-	-	0%	
-	Chi phí khác	-	-	-	0%	
G	LÃI TRƯỚC THUẾ	859,645,322	1,120,858,437	261,213,115	30%	

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG





BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH PHÒNG HƯỚNG DẪN
NĂM 2016 - 2017

STT	CHỈ TIÊU			TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2,016	2,017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THỐNG KÊ					
1	Tổng số lượt khách - Khách quốc tế					
A	TỔNG DOANH THU	3,466,443,739	1,675,494,684	(1,790,949,055)	-52%	
1	DT phòng ngủ	8,182,578	16,826,715	8,644,137	106%	
2	DT hàng ăn, GK	38,017,525	4,965,451	(33,052,074)	-87%	
3	DT dịch vụ du lịch, vé công CVN	2,537,420,344	1,120,652,930	(1,416,767,414)	-56%	
4	DT vận chuyển du lịch	882,786,928	532,915,047	(349,871,881)	-40%	
5	Phí phục vụ	36,364	134,541	98,177	270%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	-	-	-	0%	
C	DOANH THU THUẦN	3,466,443,739	1,675,494,684	(1,790,949,055)	-52%	
D	TỔNG CHI PHÍ	3,379,572,492	1,658,488,094	(1,721,084,398)	-51%	
1	Bảo hiểm khách	939,000	381,000	(558,000)	-59%	
2	Chi phí bảo hiểm thất nghiệp	4,766,646	3,685,465	(1,081,181)	-23%	
3	Bảo hiểm thân thể	970,000	776,000	(194,000)	-20%	
4	Chi phí bảo hiểm xã hội	85,799,520	60,565,928	(25,233,592)	-29%	
5	Chi phí bảo hiểm y tế	14,299,926	11,056,396	(3,243,530)	-23%	
6	Chi phí điện nước	909,948	-	(909,948)	-100%	
7	Chi phí điện thoại, truyền hình cáp	11,784,972	9,862,665	(1,922,307)	-16%	
8	Hóng dẫn du lịch	1,976,120,252	838,306,950	(1,137,813,302)	-58%	
9	Chi phí hoa hồng, khuyến mãi	6,004,016	3,151,726	(2,852,290)	-48%	
10	Chi phí kinh phí công đoàn	9,533,274	7,370,930	(2,162,344)	-23%	
11	Chi phí tiền lương	538,709,522	388,180,289	(150,529,233)	-28%	
12	Chi phí VPP, báo chí, vệ sinh	1,559,000	469,000	(1,090,000)	-70%	
13	Chi phí may trang phục	-	3,573,818	3,573,818	0%	
14	Chi phí VCDL	683,305,369	291,281,737	(392,023,632)	-57%	
15	Chi phí hoa hồng Cộng tác viên	2,400,000	-	(2,400,000)	-100%	
16	Chi phí Tuyển điểm	2,400,000	-	(2,400,000)	-100%	
17	Chi phí ăn ca	31,672,000	30,581,000	(1,091,000)	-3%	
18	Giá vốn hàng chuyển bán	8,399,047	5,115,190	(3,283,857)	-39%	
19	Lệ phí khác; chi phí khác	-	4,130,000	4,130,000	0%	
E	LÃI KINH DOANH	-86,871,247	17,006,590	(69,864,657)	-80%	
-	Phân bổ chi phí QLDN	175,012,713	113,129,555	(61,883,158)	-35%	
-	LÃI KD sau khi phân bổ	(88,141,466)	(96,122,965)	(7,981,499)	9%	
-	Lãi KD	-	-	-	0%	
-	Lãi PPV	-	-	-	0%	
F	LÃI NGOÀI KD	-	-	-	0%	
1	Lãi HĐTC	-	-	-	0%	
-	Thu nhập HĐTC	-	-	-	0%	
-	Chi phí HĐTC	-	-	-	0%	
	Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	0%	
2	Lãi khác	-	-	-	0%	
-	Thu nhập khác	-	-	-	0%	
-	Chi phí khác	-	-	-	0%	
G	LÃI TRƯỚC THUẾ	(88,141,466)	(96,122,965)	(7,981,499)	9%	

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đoàn Đình Quý

CÔNG TY CP DU LỊCH ĐÀK LẮK

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH KHÁCH SẠN SÀI GÒN - BAN MỀ

NĂM 2016 - 2017

STT	CHỈ TIÊU	NĂM		TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2016	2017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THÔNG KÊ					
1	Tổng số lượt khách	23,424	18,517	-4,907	-21%	
	- Khách quốc tế	4,425	4,603	178	4%	
A	TỔNG DOANH THU	37,269,722,285	31,712,212,296	(5,557,509,989)	-15%	
1	DT phòng ngủ	15,744,035,662	14,861,108,423	(882,927,239)	-6%	
2	DT hàng ăn, GK	15,175,213,305	11,957,292,845	(3,217,920,460)	-21%	
3	DT hàng hoá bán lẻ	2,384,415,912	1,667,016,415	(717,399,497)	-30%	
4	DT khác (Đthoại, giữ xe, giặt ủi,)	1,100,291,334	757,770,891	(342,520,443)	-31%	
5	DT vận chuyển du lịch	91,632,720	71,745,450	(19,887,270)	-22%	
6	DT mặt bằng	1,815,723,922	1,527,671,835	(288,052,087)	-16%	
7	Phí phục vụ	958,409,430	869,606,437	(88,802,993)	-9%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ				0%	
C	DOANH THU THUẬN	37,269,722,285	31,712,212,296	(5,557,509,989)	-15%	
D	TỔNG CHI PHÍ	31,809,254,213	28,496,829,037	(3,312,425,176)	-10%	
1	Bảo hiểm khách	6,713,000	24,117,000	17,404,000	259%	
2	Chi phí bảo hiểm thất nghiệp	39,537,935	39,245,630	(292,305)	-1%	
3	Bảo hiểm thân thể	11,252,000	4,450,000	(6,802,000)	-60%	
4	Chi phí bảo hiểm xã hội	710,383,851	698,305,220	(12,078,631)	-2%	
5	Chi phí bảo hiểm y tế	118,613,805	117,676,890	(936,915)	-1%	
6	Công cụ dụng cụ	872,038,992	769,911,214	(102,127,778)	-12%	
7	Chi phí khấu hao TSCĐ	7,887,593,618	7,967,710,215	80,116,597	1%	
8	Chi phí điện nước	2,748,931,065	2,413,989,312	(334,941,753)	-12%	
9	Chi phí điện thoại, truyền hình cáp	94,834,308	80,267,442	(14,566,866)	-15%	
10	Chi phí hoa hồng, khuyến mãi	223,693,182	184,509,423	(39,183,759)	-18%	
11	Chi phí kinh phí công đoàn	79,075,870	78,451,260	(624,610)	-1%	
12	Chi phí tiền lương	5,618,043,988	5,133,548,795	(484,495,193)	-9%	
13	Chi phí thuê lao động	-	65,700,000	65,700,000	0%	
14	Nguyên vật liệu	6,323,021,634	5,331,934,535	(991,087,099)	-16%	
15	Sửa chữa nhỏ thường xuyên	123,622,673	136,913,535	13,290,862	11%	
16	Chi phí VPP, báo chí, vệ sinh	300,719,721	265,361,914	(35,357,807)	-12%	
17	Xử lý côn trùng	78,000,000	70,000,000	(8,000,000)	-10%	
18	Chi phí may trang phục	42,400,000	42,400,000	-	0%	
19	Chi phí quảng cáo, in ấn báo chí	214,403,606	155,749,586	(58,654,020)	-27%	
20	Chi phí DVNM	298,081,310	75,396,837	(222,684,473)	-75%	
21	Chi phí VCDL	76,181,821	44,252,717	(31,929,104)	-42%	
22	Chi phí mua đá	-	30,475,000	30,475,000	0%	
23	Chi phí môi trường	23,809,525	23,809,524	(1)	0%	
24	Chi phí khám sức khỏe	10,777,643	10,864,000	86,357	1%	
25	Chi phí ăn ca	375,771,000	348,063,000	(27,708,000)	-7%	
26	Chi phí ăn sáng phòng ngủ	2,140,389,974	2,040,781,928	(99,608,046)	-5%	
27	Bảo hiểm xe	-	42,459,792	42,459,792	0%	
28	Chi phí tiền thuê đất	341,092,500	140,264,670	(200,827,830)	-59%	
29	Chi phí thuê môn bài	1,000,000	1,000,000	-	0%	
30	Thuế đất phi nông nghiệp	17,167,500	17,297,280	129,780	1%	
31	Giá vốn hàng chuyển bán	1,272,710,463	892,486,996	(380,223,467)	-30%	
32	Chi phí hội nghị	206,195,128	391,697,928	185,502,800	90%	
33	Kiểm định tháng may	43,636,364	32,727,273	(10,909,091)	-25%	
34	Bảo hiểm tài sản	109,469,800	-	(109,469,800)	-100%	
35	Công tác phí	17,762,658	7,626,002	(10,136,656)	-57%	
36	Chi phí mất việc làm	18,734,250	81,221,750	62,487,500	334%	
37	Chi phí tiếp khách	33,344,317	13,692,522	(19,651,795)	-59%	
38	Chi phí đào tạo	2,440,000	-	(2,440,000)	-100%	
39	Chi phí chung	632,695,545	49,487,185	(583,208,360)	-92%	
40	Lệ phí khác; chi phí khác	158,662,735	122,504,642	(36,158,093)	-23%	
41	Chi phí PCCC an toàn lao động	16,958,000	2,708,000	(14,250,000)	-84%	
42	Chi phí nhiên liệu (VCBX)	519,494,432	547,770,020	28,275,588	5%	

STT	CHỈ TIÊU	NĂM		TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2016	2017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
E	LÃI KINH DOANH	5,460,468,072	3,215,383,259	(2,245,084,813)	-41%	
-	Phân bổ chi phí QLDN	1,845,588,614	1,858,556,980	12,968,367	1%	
-	LÃI KD sau khi phân bổ	3,614,879,458	1,356,826,279	(2,258,053,180)	-62%	
-	Lãi KD				0%	
-	Lãi PPV				0%	
F	LÃI NGOÀI KD	(7,434,018,567)	(6,688,255,858)	745,762,709	-10%	
1	Lãi HĐTC	(7,446,601,319)	(6,850,768,324)	595,832,995	-8%	
-	Thu nhập HĐTC	5,675,540	3,447,481	(2,228,059)	-39%	
-	Chi phí HĐTC	7,452,276,859	6,854,215,805	(598,061,054)	-8%	
-	- Trong đó: Chi phí lãi vay	7,452,276,859	6,854,215,805	(598,061,054)	-8%	
2	Lãi khác	12,582,752	162,512,466	149,929,714	1192%	
-	Thu nhập khác	45,165,990	262,349,655	217,183,665	481%	
-	Chi phí khác	32,583,238	99,837,189	67,253,951	206%	
G	LÃI TRƯỚC THUẾ	(3,819,139,109)	(5,331,429,579)	(1,512,290,471)	40%	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Handwritten signature

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature



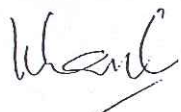
TỔNG GIÁM ĐỐC

Handwritten signature: Đoàn Đình Quý

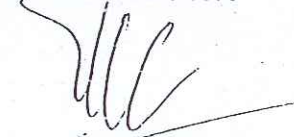
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH DU LỊCH HỒ LẮK
NĂM 2016 - 2017

STT	CHỈ TIÊU	NĂM		TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2016	2017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THỐNG KÊ					
1	Tổng số lượt khách	-	796	796	0%	
	- Khách quốc tế	-	251	251	0%	
A	TỔNG DOANH THU	693,865,603	2,196,191,832	1,502,326,229	217%	
1	DT phòng ngủ	-	371,921,495	371,921,495	0%	
2	DT hàng ăn, GK	-	1,007,326,369	1,007,326,369	0%	
3	DT hàng hoá bán lẻ	-	135,258,181	135,258,181	0%	
4	DT khác (Đthoại, giết xe, giặt ủi,)	-	81,081,817	81,081,817	0%	
5	DT dịch vụ du lịch, vé công CVN	-	370,772,665	370,772,665	0%	
6	DT vận chuyển du lịch	-	1,779,773	1,779,773	0%	
7	DT mặt bằng	693,865,603	209,048,811	(484,816,792)	-70%	
8	Phí phục vụ	-	19,002,721	19,002,721	0%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	-	-	-	0%	
C	DOANH THU THUẦN	693,865,603	2,196,191,832	1,502,326,229	217%	
D	TỔNG CHI PHÍ	487,748,160	2,245,881,936	1,758,133,776	360%	
1	Chi phí bảo hiểm thất nghiệp	-	3,433,742	3,433,742	0%	
2	Chi phí bảo hiểm xã hội	-	60,146,217	60,146,217	0%	
3	Chi phí bảo hiểm y tế	-	10,301,235	10,301,235	0%	
4	Công cụ dụng cụ	-	46,084,533	46,084,533	0%	
5	Chi phí khấu hao TSCĐ	477,393,528	404,688,171	(72,705,357)	-15%	
6	Chi phí điện nước	-	81,544,987	81,544,987	0%	
7	Chi phí điện thoại, truyền hình cáp	-	4,017,449	4,017,449	0%	
8	Hóng dẫn du lịch	-	141,415,000	141,415,000	0%	
9	Chi phí hoa hồng, khuyến mãi	-	17,039,543	17,039,543	0%	
10	Chi phí kinh phí công đoàn	-	6,867,491	6,867,491	0%	
11	Chi phí tiền lương	-	567,476,968	567,476,968	0%	
12	Nguyên vật liệu	-	621,682,104	621,682,104	0%	
13	Sửa chữa nhỏ thông xuyên	-	79,310,000	79,310,000	0%	
14	Chi phí VPP, báo chí, vệ sinh	-	10,315,193	10,315,193	0%	
15	Chi phí may trang phục	-	7,500,000	7,500,000	0%	
16	Chi phí mua đá	-	9,315,000	9,315,000	0%	
17	Chi phí ăn ca	-	55,131,718	55,131,718	0%	
18	Chi phí thuê môn bài	-	1,000,000	1,000,000	0%	
19	Thuế đất phi nông nghiệp	10,354,632	10,561,725	207,093	2%	
20	Giá vốn hàng chuyển bán	-	72,052,660	72,052,660	0%	
21	Lệ phí khác; chi phí khác	-	35,998,200	35,998,200	0%	
E	LÃI KINH DOANH	206,117,443	(49,690,104)	(255,807,547)	-124%	
-	- Phân bổ chi phí QLDN	-	-	-	0%	
-	- LÃI KD sau khi phân bổ	206,117,443	(49,690,104)	(255,807,547)	-124%	
-	- Lãi KD	-	-	-	0%	
-	- Lãi PPV	-	-	-	0%	
F	LÃI NGOÀI KD	-	-	-	0%	
1	Lãi HĐTC	-	-	-	0%	
-	- Thu nhập HĐTC	-	-	-	0%	
-	- Chi phí HĐTC	-	-	-	0%	
-	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	0%	
2	Lãi khác	-	-	-	0%	
-	- Thu nhập khác	-	-	-	0%	
-	- Chi phí khác	-	-	-	0%	
G	LÃI TRƯỚC THUẾ	206,117,443	(49,690,104)	(255,807,547)	-124%	

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



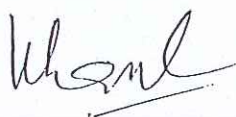


BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔ BÁN BUÔN

NĂM 2016 - 2017

STT	CHỈ TIÊU	NĂM		TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2016	2017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THỐNG KÊ					
1	Tổng số lượt khách					
	- Khách quốc tế					
A	TỔNG DOANH THU	13,602,692,610	11,741,848,088	(1,860,844,522)	-14%	
1	DT hàng hoá bán buôn	13,567,593,173	11,671,829,278	(1,895,763,895)	-14%	
2	DT vận chuyển du lịch	35,099,437	26,382,447	(8,716,990)	-25%	
3	DT mặt bằng	-	43,636,363	43,636,363	0%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	-	-	-	0%	
C	DOANH THU THUẦN	13,602,692,610	11,741,848,088	(1,860,844,522)	-14%	
D	TỔNG CHI PHÍ	13,587,782,665	11,822,246,657	(1,765,536,008)	-13%	
1	Chi phí bảo hiểm thất nghiệp	1,303,488	1,490,553	187,065	14%	
2	Chi phí bảo hiểm xã hội	23,462,679	26,392,476	2,929,797	12%	
3	Chi phí bảo hiểm y tế	3,910,446	4,471,653	561,207	14%	
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	7,779,156	7,779,152	(4)	0%	
5	Chi phí điện thoại, truyền hình cáp	-	2,053,188	2,053,188	0%	
6	Chi phí kinh phí công đoàn	2,575,803	2,993,332	417,529	16%	
7	Chi phí tiền lương	237,457,816	219,423,442	(18,034,374)	-8%	
8	Sửa chữa nhỏ thông xuyên	-	9,036,248	9,036,248	0%	
9	Bảo hiểm xe	-	4,194,250	4,194,250	0%	
10	Giá vốn hàng chuyển bán	-	11,519,114,259	11,519,114,259	0%	
11	Lệ phí khác; chi phí khác	-	25,298,104	25,298,104	0%	
12	Chi phí nhiên liệu (VCBX)	55,911,767	-	(55,911,767)	-100%	
E	LÃI KINH DOANH	14,909,945	(80,398,569)	(95,308,514)	-639%	
-	- Phân bổ chi phí QLDN	47,730,740	48,484,095	753,355	2%	
-	- LÃI KD sau khi phân bổ	(32,820,795)	(128,882,664)	(96,061,869)	293%	
-	- Lãi KD	-	-	-	0%	
-	- Lãi PPV	-	-	-	0%	
F	LÃI NGOÀI KD	118,731,728	-	(118,731,728)	-100%	
1	Lãi HĐTC	-	-	-	0%	
-	- Thu nhập HĐTC	-	-	-	0%	
-	- Chi phí HĐTC	-	-	-	0%	
	Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	0%	
2	Lãi khác	118,731,728	128,297,700	9,565,972	8%	
-	- Thu nhập khác	118,731,728	128,297,700	9,565,972	8%	
-	- Chi phí khác	-	-	-	0%	
G	LÃI TRƯỚC THUẾ	133,641,673	(584,964)	(134,226,637)	-100%	

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG




TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY
NĂM 2016 - 2017

STT	CHỈ TIÊU	NĂM		TĂNG GIẢM		GHI CHÚ
		2016	2017	SỐ TIỀN	TỶ LỆ	
	CÁC CHỈ SỐ THỐNG KÊ					
A	TỔNG DOANH THU	-	-	-	0%	
B	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	-	-	-	0%	
C	DOANH THU THUẦN	-	-	-	0%	
D	TỔNG CHI PHÍ	-	-	-	0%	
E	LÃI KINH DOANH	-	-	-	0%	
-	Phân bổ chi phí QLDN	3,627,536,241	3,458,532,120	(169,004,121)	-5%	
-	LÃI KD sau khi phân bổ		(3,458,532,120)	(3,458,532,120)	0%	
-	Lãi KD	-	-	-	0%	
-	Lãi PPV	-	-	-	0%	
F	LÃI NGOÀI KD	(24,969,087)	1,490,908,287	1,515,877,374	-6071%	
1	Lãi HĐTC	17,911,129	354,101,700	336,190,571	1877%	
-	Thu nhập HĐTC	48,300,360	731,294,555	682,994,195	1414%	
-	Chi phí HĐTC	30,389,231	377,192,855	346,803,624	1141%	
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>30,389,231</i>	<i>377,192,855</i>	<i>346,803,624</i>	<i>1141%</i>	
2	Lãi khác	(42,880,216)	1,136,806,587	1,179,686,803	-2751%	
-	Thu nhập khác	-	1,215,192,051	1,215,192,051	0%	
-	Chi phí khác	42,880,216	78,385,464	35,505,248	83%	
G	LÃI TRƯỚC THUẾ	(24,969,087)	1,490,908,287	1,515,877,374	-6071%	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Whoul

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature]



TỔNG GIÁM ĐỐC

Doãn Đình Quý

TP.BMT, ngày tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK
NĂM 2017

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty;

Hội đồng quản trị đã triệu tập các cuộc họp định kỳ, đột xuất (bốn cuộc họp) để thông qua một số chủ trương và triển khai một số công việc nhằm định hướng phát triển cho Công ty trong thời gian tới.

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 như sau:

I/ Về công tác tổ chức nhân sự

Phối hợp Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV đã bổ nhiệm Ông Đoàn Đình Quý giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty thay thế Ông Trương Đức Hùng, kể từ ngày 01/3/2017 và Công ty cũng đã thực hiện điều động, bổ nhiệm các đồng chí giữ chức vụ Giám đốc, phó giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty theo hướng trẻ hóa.

II/ Về hoạt động kinh doanh

1/ Thuận lợi

Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk là đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV nên tạo được giá trị ổn định về mặt chất lượng dịch vụ do sự chuyên nghiệp giữa các đơn vị thành viên trong hệ thống và thương hiệu mang lại, góp phần không nhỏ vào yếu tố thuận lợi cạnh tranh trong việc mang lại nguồn khách dồi dào. Công tác tiếp thị quảng bá dịch vụ của Công ty áp dụng bằng nhiều hình thức (đặc biệt là áp dụng công nghệ kết nối) ngày càng rộng hơn, tốt hơn và nhanh hơn;

Tiền thuê đất đã được điều chỉnh theo Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ cho nên cũng giảm bớt áp lực cho Công ty trong việc nộp tiền thuê đất.

2/ Khó khăn

Tình hình kinh tế trong nước và thế giới còn khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro do khủng hoảng kinh tế tài chính, dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh... đã làm suy yếu lượng khách đến từ các nước Châu Âu, Châu Mỹ;

Ngành Du lịch Đắk Lắk chưa có định hướng để đầu tư hoàn thiện sản phẩm du lịch xứng tầm và đa dạng để thu hút khách du khách mà sản phẩm du lịch của tỉnh còn đơn điệu, manh mún làm cho khách du lịch chỉ đến một lần để biết và không còn có ý tưởng quay lại;

Chưa có những giải pháp đúng đắn về chính sách quản lý thu, nộp thuế đối với các Doanh nghiệp tư nhân có cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty. Vì vậy, đã dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh của hệ thống nhà hàng, khách sạn tư nhân làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian qua. Mặc dù, vị trí của các nhà hàng khách sạn trực thuộc Công ty rất thuận lợi. Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê đi vào hoạt động được gần 5 năm, tuy nhiên công suất phòng ngủ vẫn thấp và có chiều hướng sụt giảm so với các năm trước;

Nguồn vốn đầu tư chủ yếu là vốn vay ngân hàng cho nên rất áp lực trong việc trả lãi và trả gốc cho ngân hàng;

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk, Công ty đã nhận lại mặt bằng Khu du lịch Hồ Lắk để tổ chức hoạt động kinh doanh kể từ ngày 15/5/2017.

Qua những khó khăn và thuận lợi nêu trên đã được thể hiện qua kết quả hoạt động kinh doanh toàn Công ty năm 2017, như sau:

1/ Tổng doanh thu thực hiện	:	71.655.228.514 đồng
<i>(đã bao gồm Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác)</i>		
2/ LN chưa PB khấu hao và lãi vay	:	14.305.969.697 đồng
3/ Khấu hao cơ bản	:	10.011.652.775 đồng
4/ Tiền lãi vay ngân hàng	:	7.231.369.797 đồng
5/ LN trước thuế TNDN	:	(2.937.052.875) đồng

III/ Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản

1/ Dự án Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê

* Tổng mức đầu tư của dự án đã điều chỉnh theo Quyết định số 311/QĐ-HĐQT, ngày 07/06/2012 là: 197.206.326.789 đồng (Bao gồm thuế VAT);

* Tổng mức đầu tư và tình hình tiến độ giải ngân đến nay

- Tổng mức đầu tư được duyệt	:	197.206.326.789 đồng
- Giá trị đã kiểm toán và ký kết hợp đồng:	:	198.273.179.450 đồng
+ Giá trị đã thanh toán đến nay	:	198.273.179.450 đồng

Trong đó:

- Vay ngân hàng	:	125.623.878.177 đồng
<i>(VCB Đắk Lắk: 109.623.878.177 đồng; HDB Đắk Lắk 16.000.000.000 đồng)</i>		

* Số dư vay ngân hàng đến 31/03/2018: 92.751.750.654 đồng

(VCB Đắk Lắk: 82.523.878.177 đồng; HDB Đắk Lắk 10.227.872.477 đồng)

2/ Đầu tư dự án khác

Trong năm Công ty không có đầu tư nâng cấp hoặc đầu tư dự án mới, mà chỉ thực hiện bảo trì sửa chữa nhỏ và mua sắm công cụ để đảm bảo hoạt động kinh doanh bình thường.

IV/ Một số công tác khác

Trong bối cảnh nền kinh tế chung đang gặp khó khăn, tình hình phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh không thuận lợi, cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế không lành mạnh. Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát và hỗ trợ Ban Điều hành tìm nhiều biện pháp để phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, tuy nhiên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua vẫn tiếp tục thua lỗ, rất mong được Quý Cổ đông quan tâm và có ý kiến để cùng điều hành hoạt động của Công ty hiệu quả hơn.

Thay mặt Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông./.

**TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
P. CHỦ TỊCH**



LÊ TRUNG CHÂU

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng
vốn Điều lệ để tái cơ cấu vốn vay ngân hàng)

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk;

- Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Nhằm nâng cao năng lực tài chính và tính hiệu quả của Dự án Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê theo phương châm giảm thiểu vốn vay từ ngân hàng. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 93.074.150.000 đồng lên 186.148.300.000 đồng như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu:

✚ Vốn điều lệ hiện hành:	93.074.150.000 đồng
✚ Vốn phát hành thêm (dự kiến):	93.074.150.000 đồng
✚ Vốn điều lệ sau khi phát hành:	186.148.300.000 đồng
✚ Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
✚ Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
✚ Tổng số cổ phiếu phát hành thêm (dự kiến):	9.307.415 cổ phiếu
✚ Tỷ lệ phát hành:	01:01

Theo đó mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu được mua sẽ làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông được phép chuyển nhượng 01 lần, thời gian thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra thông báo nộp tiền mua cổ phiếu.

✚ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

✚ Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu

Thời điểm phát hành:

Ủy quyền cho HĐQT quyết định.

2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng vào mục đích trả bớt nợ vay ngân hàng, nhằm tái cơ cấu lại vốn vay (giảm bớt nguồn vốn vay từ ngân hàng trước đây đã vay để thanh toán tiền đầu tư xây dựng của Dự án khách sạn Sài Gòn Ban Mê và một phần để đầu tư nâng cấp sửa chữa các tài sản hiện có để phục vụ nhu cầu kinh doanh Công ty trong thời gian tới.

2.1 Một số thông tin liên quan đến việc đầu tư của Dự án khách sạn Sài Gòn Ban Mê và nguồn vốn huy động:

2.1.1: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 15/05/2012

☛ Tổng vốn đầu tư	:	197.206.326.789 đồng
Trong đó: Vốn huy động từ cổ đông	:	55.314.260.000 đồng
Vốn vay từ Ngân hàng	:	110.000.000.000 đồng
Vốn khác	:	31.892.066.789 đồng

2.1.2: Thực tế đã thực hiện đến ngày 28/02/2018:

☛ Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (đã kiểm toán)	:	198.273.179.450 đồng
Trong đó: Vốn huy động từ cổ đông	:	55.314.260.000 đồng
Vốn vay từ Ngân hàng	:	125.623.878.177 đồng
Vốn khác	:	17.335.041.273 đồng

2.1.3: Số dư tiền vay đến ngày 28/02/2018 : 92.834.900.083 đồng

2.2 Mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu trong năm 2018

Như vậy, số dư tiền vay đến ngày 28/02/2018 thì tổng số vốn vay là: 92.834.900.083 đồng. Tuy nhiên, xuất phát từ tình hình thực tế kinh doanh trong giai đoạn hiện nay, việc vay vốn ngân hàng bị áp lực rất lớn trong việc trả tiền lãi vay, tiền gốc và ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của Dự án. Đồng thời gia tăng rủi ro về tài chính của Công ty. Do vậy, mục đích của đợt phát hành lần này nhằm giảm bớt nguồn vốn vay từ ngân hàng trước đây đã vay để tài trợ cho Dự án. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (1.000 đồng)
1	Tổng số vốn vay ngân hàng còn đến 28/02/2018	92.834.900
2	Vốn bổ sung từ việc phát hành cổ phiếu (nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận) dùng để trả bớt nợ vay ngân hàng	53.074.150

3	Vốn vay ngân hàng còn lại sau khi phát hành	39.760.750
----------	--	-------------------

Theo tình hình thực tế kinh doanh hiện nay khi được cổ đông nhất trí thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ, với mục đích để trả bớt nợ ngân hàng (Cơ cấu lại nợ) thì hiệu quả kinh doanh của khách sạn Sài Gòn Ban Mê có lãi, hiệu quả kinh doanh toàn công ty sẽ tăng lên vì chi phí lãi tiền vay ngân hàng sẽ giảm được: $53.074.150.000 \text{ đồng} \times 7\%/năm = 3.715.190.500 \text{ đồng/năm}$, khi đó lợi nhuận của Công ty năm 2018 - 2020 đủ để bù đắp số lỗ còn lũy kế đến 31/12/2017 là 18.388.830.050 đồng. Vậy kể từ năm 2021 trở đi Công ty bắt đầu thực hiện trả cổ tức cho cổ đông cụ thể, như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm									
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
LN SGBM	4.226	5.876	7.768	9.512	11.409	12.528	19.089	21.351	23.035	24.813
LN Cty	1.670	1.837	2.021	2.223	2.445	2.689	2.958	3.255	3.580	3.938
LN toàn Cty	5.896	7.713	9.789	11.735	13.854	15.217	22.047	24.606	26.615	28.751
Chuyên lỗ	5.896	7.713	5.009	0	0	0	0	0	0	0
LN trước thuế	0	0	4.780	11.735	13.854	15.217	22.047	24.606	26.615	28.751
Thuế TNDN	0	0	956	2.347	2.770	3.043	4.409	4.921	5.323	5.750
LN sau thuế	0	0	3.824	9.388	11.084	12.174	17.638	19.685	21.292	23.001
Vốn điều lệ	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148
Tỷ lệ cổ tức	0	0	2%	5%	5%	6%	9%	10%	11%	12%

Xử lý số lượng cổ phiếu lẻ và số cổ phần còn lại không phân phối hết:

- Số cổ phiếu được phân bổ quyền mua sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có), ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chào bán cho các đối tượng khác, đồng thời đảm bảo được quyền lợi cho cổ đông hiện hữu cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Giá chào bán không được thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

- Trong trường hợp hết thời hạn chào bán theo quy định hoặc hết thời hạn gia hạn chào bán (nếu có), số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán của Công ty vẫn không phân phối hết, Công ty sẽ thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thành công.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung sau:

- Lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông;

- Lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành để tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý về phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

- Ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép hoạt động kinh doanh cho phù hợp;

- Ủy quyền Hội đồng quản trị đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh (nếu có), sửa điều lệ liên quan đến vốn kinh doanh đã thay đổi.

Kính trình xem xét và trình Hội đồng quản trị thông qua biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng HĐQT;
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐOÀN ĐÌNH QUÝ

Số: /TT-HĐQT

TP.BMT, ngày 29 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
(V/v Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng
vốn Điều lệ để tái cơ cấu vốn vay ngân hàng)

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk;

- Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Nhằm nâng cao năng lực tài chính và tính hiệu quả của Dự án Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê theo phương châm giảm thiểu vốn vay từ ngân hàng. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 93.074.150.000 đồng lên 186.148.300.000 đồng như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu:

✚ Vốn điều lệ hiện hành:	93.074.150.000 đồng
✚ Vốn phát hành thêm (dự kiến):	93.074.150.000 đồng
✚ Vốn điều lệ sau khi phát hành:	186.148.300.000 đồng
✚ Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
✚ Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
✚ Tổng số cổ phiếu phát hành thêm (dự kiến):	9.307.415 cổ phiếu
✚ Tỷ lệ phát hành:	01:01

Theo đó mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu được mua sẽ làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông được phép chuyển nhượng 01 lần, thời gian thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra thông báo nộp tiền mua cổ phiếu.

✚ Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phiếu
------------------	----------------------

Đối tượng phát hành:

Cổ đông hiện hữu

Thời điểm phát hành:

Ủy quyền cho HĐQT quyết định.

2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng vào mục đích trả bớt nợ vay ngân hàng, nhằm tái cơ cấu lại vốn vay (giảm bớt nguồn vốn vay từ ngân hàng trước đây đã vay để thanh toán tiền đầu tư xây dựng của Dự án khách sạn Sài Gòn Ban Mê) và một phần để đầu tư nâng cấp sửa chữa các tài sản hiện có để phục vụ nhu cầu kinh doanh Công ty trong thời gian tới.

2.3 Một số thông tin liên quan đến việc đầu tư của Dự án khách sạn Sài Gòn Ban Mê và nguồn vốn huy động:

2.1.1: Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên thông qua ngày 15/05/2012

Tổng vốn đầu tư	: 197.206.326.789 đồng
Trong đó: Vốn huy động từ cổ đông	: 55.314.260.000 đồng
Vốn vay từ Ngân hàng	: 110.000.000.000 đồng
Vốn khác	: 31.892.066.789 đồng

2.1.2: Thực tế đã thực hiện đến ngày 28/02/2018:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (đã kiểm toán)	: 198.273.179.450 đồng
Trong đó: Vốn huy động từ cổ đông	: 55.314.260.000 đồng
Vốn vay từ Ngân hàng	: 125.623.878.177 đồng
Vốn khác	: 17.335.041.273 đồng

2.1.3: Số dư tiền vay đến ngày 28/02/2018 : 92.834.900.083 đồng

2.4 Mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu trong năm 2018

Như vậy, số dư tiền vay đến ngày 28/02/2018 thì tổng số vốn vay là: 92.834.900.083 đồng. Tuy nhiên, xuất phát từ tình hình thực tế kinh doanh trong giai đoạn hiện nay, việc vay vốn ngân hàng bị áp lực rất lớn trong việc trả tiền lãi vay, tiền gốc và ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của Dự án. Đồng thời gia tăng rủi ro về tài chính của Công ty. Do vậy, mục đích của đợt phát hành lần này nhằm giảm bớt nguồn vốn vay từ ngân hàng trước đây đã vay để tài trợ cho Dự án. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (1.000 đồng)
1	Tổng số vốn vay ngân hàng còn đến 28/02/2018	92.834.900
2	Vốn bổ sung từ việc phát hành cổ phiếu (nếu được ĐHCĐ)	

	chấp thuận) dùng để trả bớt nợ vay ngân hàng	53.074.150
3	Vốn vay ngân hàng còn lại sau khi phát hành	39.760.750

Theo tình hình thực tế kinh doanh hiện nay khi được cổ đông nhất trí thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ, với mục đích để trả bớt nợ ngân hàng (Cơ cấu lại nợ) thì hiệu quả kinh doanh của khách sạn Sài Gòn Ban Mê có lãi, hiệu quả kinh doanh toàn công ty sẽ tăng lên vì chi phí lãi tiền vay ngân hàng sẽ giảm được: $53.074.150.000 \text{ đồng} \times 7\%/năm = 3.715.190.500 \text{ đồng}/năm$, khi đó lợi nhuận của Công ty năm 2018 - 2020 đủ để bù đắp số lỗ còn lũy kế đến 31/12/2017 là 18.388.830.050 đồng. Vậy kể từ năm 2021 trở đi Công ty bắt đầu thực hiện trả cổ tức cho cổ đông cụ thể, như sau:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm									
	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
LN SGBM	4.226	5.876	7.768	9.512	11.409	12.528	19.089	21.351	23.035	24.813
LN Cty	1.670	1.837	2.021	2.223	2.445	2.689	2.958	3.255	3.580	3.938
LN toàn Cty	5.896	7.713	9.789	11.735	13.854	15.217	22.047	24.606	26.615	28.751
Chuyển lỗ	5.896	7.713	5.009	0	0	0	0	0	0	0
LN trước thuế	0	0	4.780	11.735	13.854	15.217	22.047	24.606	26.615	28.751
Thuế TNDN	0	0	956	2.347	2.770	3.043	4.409	4.921	5.323	5.750
LN sau thuế	0	0	3.824	9.388	11.084	12.174	17.638	19.685	21.292	23.001
Vốn điều lệ	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148	186.148
Tỷ lệ cổ tức	0	0	2%	5%	5%	6%	9%	10%	11%	12%

Xử lý số lượng cổ phiếu lẻ và số cổ phần còn lại không phân phối hết:

- Số cổ phiếu được phân bổ quyền mua sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có), ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chào bán cho các đối tượng khác, đồng thời đảm bảo được quyền lợi cho cổ đông hiện hữu cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Giá chào bán không được thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

- Trong trường hợp hết thời hạn chào bán theo quy định hoặc hết thời hạn gia hạn chào bán (nếu có), số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán của Công ty vẫn không phân phối hết, Công ty sẽ thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thành công.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung sau:

- Lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông;

- Lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành để tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý về phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

- Ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép hoạt động kinh doanh cho phù hợp;

- Ủy quyền Hội đồng quản trị đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh (nếu có), sửa điều lệ liên quan đến vốn kinh doanh đã thay đổi.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Văn phòng HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
P. CHỦ TỊCH**



LÊ TRUNG CHÂU

TP. BMT, ngày 29 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

“V/v Thông qua kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018”

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk;
- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2017.

Hội đồng quản trị Công ty lập tờ trình về các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, như sau:

I. Kết quả kinh doanh năm 2017:

1. Lũy kế năm 2016 chuyển sang	(15.451.777.175) đồng
2. Tổng doanh thu thực hiện	71.655.228.514 đồng
(đã bao gồm Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác)	
3. LN chưa PB CPQLDN, khấu hao và lãi vay:	17.764.501.817 đồng
4. Phân bổ chi phí quản lý DN	: 3.458.532.120 đồng
5. Khấu hao cơ bản năm 2017	: 10.011.652.772 đồng
6. Tiền lãi vay ngân hàng năm 2016	: 7.231.369.797 đồng
7. Lãi (lỗ) năm 2017	: (2.937.052.875) đồng
8. Lũy kế còn đến 31/12/2017	: (18.388.830.050) đồng

II. Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018

1. Tổng doanh thu	: 85.247.513.000 đồng
2. LN chưa PB CPQL, KHCB và lãi vay:	22.219.581.943 đồng
3. Khấu hao cơ bản	: 9.953.014.000 đồng
4. Lãi vay ngân hàng	: 7.084.142.000 đồng
5. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	: 4.142.763.893 đồng
6. Lợi nhuận trước thuế	: 1.039.662.000 đồng
7. Tiền lương bình quân (bảng KH 2017):	4.750.000 đồng
8. Phụ cấp HĐQT – BKS: 2%/Tổng quỹ tiền lương thực tế tính vào giá thành.	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



P. Trương Châu

TỜ TRÌNH

“V/v Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2018”

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Du lịch ĐắKLắk.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch ĐắKLắk;
- Căn cứ kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Công ty có dự kiến chọn một số Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues) – Chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: Tầng 2, 112 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, TP. Đà Nẵng

(Hiện tại đang kiểm toán BCTC của Công ty năm 2017)

2. Công ty kiểm toán AVN Việt Nam; Địa chỉ: 36 Phạm Hồng Thái, phường Tự An, TP. Buon Ma Thuột – ĐắKLắk

3. Công ty TNHH kiểm toán và Tư Vấn Thuế ATAX; Địa chỉ: Lô A92, đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
P. Chủ tịch



LÊ TRUNG CHÂU

DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty;
- Căn cứ vào ý kiến và biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 6 năm 2018.

HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk dự thảo Nghị quyết thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên với các nội dung sau:

I. Kết quả kinh doanh năm 2017:

1. Lỗ lũy kế năm 2016 chuyển sang	(15.451.777.175) đồng
2. Tổng doanh thu thực hiện	71.655.228.514 đồng
<i>(đã bao gồm Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác)</i>	
3. LN chưa PB CPQLDN, khấu hao và lãi vay:	17.764.501.817 đồng
4. Phân bổ chi phí quản lý DN	: 3.458.532.120 đồng
5. Khấu hao cơ bản năm 2017	: 10.011.652.772 đồng
6. Tiền lãi vay ngân hàng năm 2016	: 7.231.369.797 đồng
7. Lãi (lỗ) năm 2017	: (2.937.052.875) đồng
8. Lỗ lũy kế còn đến 31/12/2017	: (18.388.830.050) đồng

II. Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018

1. Tổng doanh thu	: 85.247.513.000 đồng
2. LN chưa PB CPQL, KHCB và lãi vay:	22.219.581.943 đồng
3. Khấu hao cơ bản	: 9.953.014.000 đồng
4. Lãi vay ngân hàng	: 7.084.142.000 đồng
5. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	: 4.142.763.893 đồng
6/ Lợi nhuận trước thuế	: 1.039.662.000 đồng
7/ Tiền lương bình quân (bằng KH 2017):	4.750.000 đồng
8/ Phụ cấp HĐQT – BKS: 2%/Tổng quỹ tiền lương thực tế tính vào giá thành.	

III/ Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và hoạt động năm 2017 và thông qua báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

IV/ Thông qua phương án tái cơ cấu vốn vay bằng hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ.

1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ:

☒ Vốn điều lệ hiện hành	:	93.074.150.000 đồng
☒ Vốn phát hành thêm (dự kiến)	:	93.074.150.000 đồng
☒ Vốn điều lệ sau khi phát hành	:	186.148.300.000 đồng
☒ Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
☒ Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
☒ Tổng số cổ phiếu phát hành	:	9.307.415 cổ phiếu
☒ Tỷ lệ phát hành	:	01: 01

Theo đó mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được nhận 01 quyền và cứ 01 quyền sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

2. Xử lý số lượng cổ phiếu lẻ và số cổ phần còn lại không phân phối hết:

Số cổ phiếu được phân bổ quyền mua sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có), ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chào bán cho các đối tượng khác, đồng thời đảm bảo được quyền lợi cho cổ đông hiện hữu cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Giá chào bán không được thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

- Trong trường hợp hết thời hạn chào bán theo quy định hoặc hết thời hạn gia hạn chào bán (nếu có), số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán của Công ty vẫn không phân phối hết, Công ty sẽ thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thành công.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các vấn đề sau:

Lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành để tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý về phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

Ủy quyền Hội đồng quản trị đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh (nếu có), sửa điều lệ liên quan đến vốn kinh doanh đã thay đổi.

Triển khai phương án phát hành và hoàn tất các thủ tục liên quan để thực hiện phương án phát hành.

Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Đăng ký giao dịch Upcom bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk.

Chỉnh sửa Điều lệ cho phù hợp với vốn điều lệ mới, đồng thời báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

V/ Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

P. Chủ tịch



LÊ TRUNG CHÂU



BÁO CÁO THẨM TRA TÀI CHÍNH NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐÀKLẮK

- Căn cứ theo luật doanh nghiệp 2014.
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dak Lak về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Kiểm Soát.
- Căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Daklak.

Ban Kiểm Soát xin báo cáo Đại hội cổ đông về kết quả thẩm định tình hình tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Du lịch Dak Lak, kết quả thẩm định như sau:

PHẦN I:

THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2017 do Công ty lập, Ban Kiểm Soát đã tiến hành thẩm định và kết quả được xác nhận như sau:

PHẦN I THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

NỘI DUNG	KH 2017	TH 2017	TH 2016	SO SÁNH 2017/2016	TỶ LỆ	% THỰC HIỆN SO VỚI KH
				\$	%	
Tổng DT và Thu nhập khác		71.655.228.514	78.786.992.401	(7.131.763.887)	(9)	
- DT thu hoạt động KD	85.247.515.000	69.314.647.072	78.569.118.783	(9.254.471.711)	(12)	81
- D Thu hoạt động Tài Chính		734.742.036	53.975.900	680.766.136	1.261	
- Thu nhập khác		1.605.839.406	163.897.718	1.441.941.688	880	
- Các khoản giảm trừ		-	-	-	-	
TỔNG CHI PHÍ		74.592.281.389	81.624.176.622	(7.031.895.233)	(9)	
Chi phí hoạt động KD		67.182.650.076	74.066.047.078	(6.883.397.002)	(9)	
- Chi phí khấu hao TSCĐ		10.007.219.061	9.985.704.714	21.514.347	0	
Chi phí hoạt động tài chính		7.231.408.660	7.482.666.090	(251.257.430)	(3)	
- Chi phí lãi vay		7.231.408.660	7.482.666.090	(251.257.430)	(3)	
Chi phí hoạt động khác		178.222.653	75.463.454	102.759.199	136	
Lãi trước khấu hao và lãi vay		14.301.574.846	14.631.186.583	(329.611.737)	(2)	
Lãi/Lỗ trước thuế	1.317.033.000	(2.937.052.875)	(2.837.184.221)	(99.868.654)	4	(223)
Lãi sau thuế		(2.937.052.875)	(2.837.184.221)	(99.868.654)	4	

Tổng doanh thu thực hiện của hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính năm 2017 là 71,655 tỷ đồng so với kế hoạch giao 85,247 tỷ đồng đạt 84% kế hoạch và giảm 16%. So với thực hiện năm 2016: 78 tỷ 787 triệu đồng, giảm 09% tương ứng giảm 7 tỷ 132 triệu đồng. Như vậy kết quả kinh doanh của năm 2017 lỗ (2,937) tỷ đồng.

Chi tiết kinh doanh của các đơn vị trực thuộc Công ty năm 2017 như sau:

ĐVT: 1000đ

S t t	Các điểm kinh doanh	Năm 2017		Năm 2016		Chênh lệch DT 2017/2016		Chênh lệch lãi 2017/2016	
		Doanh thu	Lãi bộ phận	Doanh thu	Lãi bộ phận	\$	%	\$	%
1	Khách sạn Cao Nguyên	6.884.026	1.120.858	7.006.463	859.645	(122.437)	(2)	261.213	30
2	Khách sạn Thành Công	1.065.996	(225.994)	684.204	473.940	381.792	56	(699.934)	(148)
3	Du Lịch Hồ Lak	2.196.192	(49.690)	693.866	206.117	1.502.326	217	(255.807)	(124)
4	Nhà hàng Thăng Lợi-CVN	14.038.878	155.002	15.845.727	(530.548)	(1.806.849)	(11)	685.550	(129)
5	Hướng dẫn Du Lịch	1.675.495	(96.123)	3.466.444	(88.142)	(1.790.949)	(52)	(7.981)	9
6	Văn phòng công ty	11.741.848	1.490.323	13.602.693	60.942	(1.860.845)	(14)	1.429.381	2.345
7	Sài Gòn Ban Mê	31.712.212	(5.331.429)	37.269.722	(3.819.139)	(5.557.510)	(15)	(1.512.290)	40
	Tổng cộng	69.314.647	(2.937.053)	78.569.119	(2.837.185)	(9.254.472)	(12)	(99.868)	4

a) Doanh thu năm 2017 của các đơn vị giảm như sau:

- Về doanh thu Khách sạn Sài Gòn Ban Mê năm 2017 doanh thu thực hiện 31 tỷ 712 triệu đạt 78,8% kế hoạch công ty giao 40 tỷ 245 triệu đồng. So với doanh thu thực hiện năm 2016 là 37 tỷ 270 triệu đồng, giảm 05 tỷ 558 triệu đồng tương ứng giảm 15%;

- Khách Sạn Cao Nguyên năm 2017 thực hiện doanh thu là 6 tỷ 884 triệu chỉ đạt 93,8% kế hoạch giao 7 tỷ 340 triệu đồng. So với doanh thu thực hiện năm 2016 là 7 tỉ 006 triệu đồng, giảm 122,437 triệu đồng, tương ứng giảm 02%;

- Khách Sạn Thành Công Doanh thu thực hiện: 1 tỷ 066 triệu đồng đạt 66,6% kế hoạch giao 01 tỷ 600 triệu đồng;

- Du lịch Hồ Lắk Doanh thu thực hiện 02 tỷ 196 triệu đồng đạt gần 100% kế hoạch 2 tỷ 197 triệu đồng;

- Phòng kinh doanh điều hành hướng dẫn doanh thu thực hiện 01 tỷ 675 triệu đồng, chỉ đạt 46% kế hoạch giao 3 tỷ 640 triệu. So với doanh thu thực hiện năm 2016 là 03 tỉ 466 triệu đồng, giảm 01 tỉ 791 triệu đồng tương ứng giảm 52%;

- Tổ bán buôn doanh thu thực hiện là 11 tỷ 742 triệu đồng, kế hoạch giao là 13 tỉ 580 triệu đồng, đạt 86,5% kế hoạch, So với doanh thu thực hiện năm 2016 là 13 tỉ 603 triệu đồng, giảm 01 tỷ 861 triệu đồng tương ứng giảm 14%;

- Riêng Nhà hàng Thăng lợi – CVN năm 2017 doanh thu 14 tỷ 039 triệu chỉ đạt 84,34% KH giao 16 tỷ 645 triệu đồng. So với thực hiện năm 2016 là 15 tỷ 846

triệu đồng, giảm 01 tỷ 807 triệu đồng (chủ yếu giảm doanh thu tiệc cưới 01 tỷ 328 triệu đồng, DT khác giảm 480 triệu đồng), tương ứng giảm 11,4%.

b) Các khoản thu nhập khác và hoạt động tài chính là 2 tỷ 340 triệu đồng.

Chi tiết như sau:

- Thu nhập khác và tiền hỗ trợ là: 1.605,8 triệu đồng.

+ Trong đó: Hoà nhập tiền thuế đất năm 2016 (Do điều chỉnh tiền thuế đất phải nộp theo ND 135/ND-CP): 1.305,8 triệu đồng.

- Thu hoạt động tài chính là: 734,7 triệu đồng.

+ Trong đó: Cổ tức Lợi nhuận được chia: 698,5 triệu đồng.

c) Tiền trả lãi vay năm 2017 tương đương năm 2016:

Cụ thể:

Năm 2017 là: 7 tỷ 231 triệu đồng, so với năm 2016 là: 7 tỷ 483 triệu đồng giảm 252 triệu đồng là do giảm nợ gốc.

Về chi tiết hoạt động kinh doanh tại các đơn vị trong toàn Công ty:

Năm 2017 là năm hầu hết các đơn vị trong toàn Công ty đều không hoàn thành kế hoạch đề ra. **Cụ thể:**

- KS Cao Nguyên đạt 94% kế hoạch đề ra, lãi bộ phận 1 tỷ 121 triệu đồng tăng so với năm 2016 là 261 triệu;

- KS Thành Công đạt 67% Kế hoạch giao, lãi bộ phận lỗ (225,9) triệu đồng (do sau khi nhận lại khách sạn phải sửa chữa, thay thế, mua sắm bổ sung một số tài sản, công cụ dụng cụ bị hư hỏng xuống cấp nên chi phí tăng cao và lợi nhuận giảm nhiều so với năm trước);

- Nhà Hàng Thăng Lợi - CVN đạt 84%, lãi bộ phận 155 triệu đồng so với năm 2016 lỗ (530,5) triệu đồng, tương ứng tăng LN là: 685,5 triệu đồng;

- Phòng Kinh doanh điều hành hướng dẫn đạt 46%, lãi bộ phận lỗ (96) triệu đồng;

- Du lịch Hồ Lắk đạt gần 100% Kế hoạch (đây cũng là đơn vị cho thuê mặt bằng và mới nhận lại kinh doanh từ ngày (15/5/2017), lãi bộ phận (255,8) triệu đồng (do sau khi nhận lại phải sửa chữa, thay thế, mua sắm bổ sung một số tài sản, công cụ dụng cụ bị hư hỏng xuống cấp nên chi phí tăng cao);

- Tổ bán Buôn đạt 86,5%, lãi bộ phận năm 2017 lỗ (585) triệu đồng;

- Đặc biệt KS Sài Gòn Ban – Mê đạt 78,8% kế hoạch, là đơn vị có tỷ lệ Doanh thu chiếm tỷ trọng cao nhất toàn Công ty nhưng hoàn thành kế hoạch thấp dẫn đến lỗ nhiều hơn năm 2016: 1 tỷ 513 triệu đồng, tương ứng năm 2017 KS Sài Gòn Ban Mê lỗ 5 tỷ 331 triệu đồng.

Về chi phí kinh doanh:

Tổng chi phí từ hoạt động kinh doanh năm 2017 là 67 tỉ 183 triệu đồng, chiếm tỉ trọng 96,7% so với doanh thu chính từ HĐKD năm 2017. So với năm 2016 là 74 tỉ 066 triệu đồng, so với doanh thu từ HĐKD năm 2016 chiếm tỉ trọng 94%. Như vậy tỉ trọng chi phí từ hoạt động KD của 2017 cao hơn năm 2016 là 2,7%. Đặc biệt tiền Thuế đất Công ty năm 2017 là 1.176.439.395 đồng giảm so với thực hiện 2016 tạm nộp 2 tỷ 445 triệu đồng (theo nghị định 135/2016/NĐ-CP, ngày 09/9/2016). Công ty được điều chỉnh giảm tiền nộp thừa năm 2016 chuyển qua là 1,3 tỷ đồng.

Chi phí tăng như:

Chi phí mất việc làm tăng 62,5 triệu đồng so với năm 2016 (một số lao động nghỉ việc), chi phí sửa chữa nhỏ tăng 220 triệu đồng (Do 02 đơn vị mới hết hạn hợp đồng nhận về phải sửa chữa lại: Khách thành Công và Du lịch Hồ Lắk) chi phí hoa hồng, khuyến mại tiệc cưới tăng 28,4 triệu đồng so với năm 2016...

Chi phí tiền lương cho người lao động:

Thu nhập bình quân cán bộ công nhân viên năm 2017 so với năm 2016 là:

ĐVT: Đồng

KHỎAN MỤC	KH 2017	NĂM 2017	NĂM 2016	Năm 2017/2016
Số CB - CNV bình quân		253	241	
Quỹ lương đã trích		13.483.605.008	13.476.909.153	6.695.855
Lương Bình Quân trong năm	4.750.000	4.441.240	4.660.065	(218.825)
Quỹ Lương đã chi		13.022.445.128	12.893.268.443	129.176.685
+ Tiền lương bình quân (số đã chi trong năm)		4.289.343	4.458.253	(168.910)
Tổng thu nhập đã chi (lương + lễ + tết)		13.335.295.128	13.476.909.153	(141.614.025)
+ Thu nhập bình quân (số đã chi trong năm)		4.392.390	4.660.065	(267.676)
Phụ Cấp HĐQT và Ban KS		269.672.111	269.540.177	131.934

Thu nhập bình quân của CBCNV năm 2017 là 4 triệu 441 ngàn, năm 2016 là 4 triệu 660 ngàn đồng, giảm 218,8 ngàn đồng, so với KH là 4 triệu 750 ngàn đồng giảm 309 ngàn đồng tương ứng giảm 6,5%.

PHẦN II:
THẨM ĐỊNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2017

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017	Chênh lệch	
			\$	%
A. Tài Sản	176.044.383.623	188.279.935.636	(12.235.552.013)	-6,5
I. Tài Sản ngắn hạn	8.043.445.641	10.902.133.269	(2.858.687.628)	-26,2
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.642.787.542	3.633.520.970	(1.990.733.428)	-54,8
Tiền	1.642.787.542	3.633.520.970	(1.990.733.428)	-54,8
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	300.000.000	300.000.000	-	0,0
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300.000.000	300.000.000	-	0,0
3. Các khoản phải thu	4.068.888.614	4.226.997.642	(158.109.028)	-3,7
- Phải Thu khách hàng	2.210.340.129	3.040.459.858	(830.119.729)	-27,3
- Trả trước người bán	896.513.191	631.447.662	265.065.529	42,0
- các khoản phải thu khác	977.115.294	570.170.122	406.945.172	71,4
-DP phải thu nợ khó đòi	(15.080.000)	(15.080.000)	-	0,0
4- Hàng tồn kho	2.008.208.883	2.326.477.970	(318.269.087)	-13,7
Hàng tồn kho	2.008.208.883	2.326.477.970	(318.269.087)	-13,7
5- TS ngắn hạn khác	23.560.602	415.136.687	(391.576.085)	-94,3
Thuế và các khoản phải thu NN	23.560.602	415.136.687	(391.576.085)	
II. Tài Sản dài hạn	168.000.937.982	177.377.802.367	(9.376.864.385)	-5,3
1. Tài sản cố định	166.644.266.270	171.343.330.024	(4.699.063.754)	-2,7
- TSCĐHH	166.644.266.270	171.343.330.024	(4.699.063.754)	-2,7
+ Nguyên giá	239.613.510.014	229.779.537.426	9.833.972.588	4,3
+Hao mòn lũy kế	(72.969.243.744)	(58.436.207.402)	(14.533.036.342)	24,9
+ Nguyên giá	83.279.000	83.279.000	-	0,0
+Hao mòn lũy kế	(83.279.000)	(83.279.000)	-	0,0
2, Đầu tư bất động sản	-	4.419.183.203	(4.419.183.203)	-100,0
+ Nguyên giá		8.940.566.770	(8.940.566.770)	-100,0
+ Giá trị hao mòn lũy kế		(4.521.383.567)	4.521.383.567	-100,0
4.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	183.510.000	183.510.000	-	0,0
Đầu tư góp vốn đơn vị khác	183.510.000	183.510.000	-	0,0
5. Tài sản dài hạn khác	665.924.161	931.779.140	(265.854.979)	-28,5
Chi phí trả trước dài hạn	665.924.161	931.779.140	(265.854.979)	-28,5
6. Các khoản phải thu dài hạn	507.237.551	500.000.000	7.237.551	1,4
Phải thu dài hạn khác	507.237.551	500.000.000	7.237.551	1,4

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017	Chênh lệch	
			\$	%
B. NGUỒN VỐN	176.044.383.623	188.279.935.636	(12.235.552.013)	-6,5
I. Nợ phải trả	99.832.215.949	109.130.715.087	(9.298.499.138)	-8,5
I. Nợ ngắn hạn	31.081.969.295	23.450.520.433	7.631.448.862	32,5
- Phải trả người bán ngắn hạn	2.147.012.640	3.588.554.468	(1.441.541.828)	-40,2
- Người mua trả tiền trước	65.840.200	426.083.000	(360.242.800)	-84,5
- Thuế, các khoản P nộp NN	421.670.197	501.372.995	(79.702.798)	-15,9
- Phải trả CNV	898.522.145	1.244.641.165	(346.119.020)	-27,8
- Chi phí phải trả	241.345.474	232.710.503	8.634.971	3,7
Phải trả ngắn hạn khác	684.866.758	851.585.872	(166.719.114)	-19,6
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.791.379.398	15.774.239.947	10.017.139.451	63,5
Dự phòng phải trả ngắn	930.000.000	930.000.000	-	0,0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(98.667.517)	(98.667.517)	-	0,0
2- Nợ dài hạn	68.750.246.654	85.680.194.654	(16.929.948.000)	-19,8
- Phải trả dài hạn khác	254.405.000	752.405.000	(498.000.000)	-66,2
- Vay và nợ thuê TC dài hạn khác	68.495.841.654	84.927.789.654	(16.431.948.000)	-19,3
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	76.212.167.674	79.149.220.549	(2.937.052.875)	-3,7
Vốn CSH	76.212.167.674	79.149.220.549	(2.937.052.875)	-3,7
1. Vốn đầu tư của CSH	93.074.150.000	93.074.150.000	-	0,0
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.526.847.724	1.526.847.724	-	0,0
3. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
4. LN sau thuế chưa phân phối	(18.388.830.050)	(15.451.777.175)	(2.937.052.875)	19,0
-LNST chưa PP lũy kế cuối kỳ trước	(15.451.777.175)	(12.614.592.954)	(2.837.184.221)	22,5
-LNST chưa PP kỳ này	(2.937.052.875)	(2.837.184.221)	(99.868.654)	3,5

Tổng tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2017 là 176 tỷ 044 triệu đồng, giảm 12 tỉ 235 triệu đồng (tương ứng giảm 6,5%) so với ngày 01/01/2017.

1. Tình hình tài sản ngắn hạn:

- Tình hình tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 là 8 tỷ 043 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 4,56% trên tổng tài sản và nguồn vốn.

- Vốn bằng tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2017 là 1 tỷ 643 triệu đồng. Trong đó tiền mặt 568 triệu đồng và tiền gửi ngân hàng là 1 tỷ 014 triệu đồng và tiền đang chuyển là 61 triệu đồng.

- Đầu tư tài chính ngắn hạn: Tiền đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 là 300 triệu đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn TP Buon Ma Thuot.

- Nợ phải thu ngắn hạn: Số dư nợ đến ngày 31/12/2017 là: 4 tỷ 069 triệu đồng trong đó:

+ Trả trước cho người bán là 896 triệu đồng.

+ Các khoản phải thu khác là 977 triệu đồng bao gồm các khoản như tiền tạm ứng CBCNV: 320,5 triệu đồng, cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn: 97 triệu đồng, Phải thu cổ tức (CP Cty Sabeco Tây Nguyên) 367 triệu đồng; số còn lại tiền phải thu bảo hiểm xã hội ốm đau, thai sản và phải thu khác:..

+ Số phải thu của khách hàng cụ thể như sau:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Tổng Cty Du lịch SG	Đồng	254.031.000
2	Công ty TNHH sensu(KSSGBM)	Đồng	37.472.000
3	Cty TNHH Tiêu điểm châu Á	Đồng	192.600.000
4	Công ty TNHH Du lịch Đắk Việt	Đồng	137.930.000
5	Các đối tượng khác	Đồng	1.588.307.129
	Tổng cộng		2.210.340.129

- Về hàng tồn kho đến ngày 31/12/2017 là: 2 tỷ 008 triệu đồng.

Trong đó: 1.370,6 triệu đồng là hàng hóa, số còn lại 637 triệu đồng là nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ. Có kiểm kê cuối kỳ.

2. Về tình hình tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn là 168 tỷ đồng, chiếm tỉ trọng 95,4% trên tổng tài sản và nguồn vốn.

➤ **Tài sản cố định:** Tổng giá trị tài sản cố định là 166,6 tỷ đồng bao gồm chủ yếu là tài sản cố định hữu hình.

Trong năm Công ty có ghi nhận tăng tài sản cố định 893,4 triệu đồng. Tài sản tăng được ghi nhận như sau:

STT	Tài sản cố định tăng trong năm 2017	Nguyên giá	Thời gian đưa vào sử dụng
	<i>KS Sài Gòn -Ban Mê</i>	893.405818	
1	Hệ thống thiết bị Hồ bơi KS SGBM	325.224.000	T01/17
2	Thuế trước bạ, đo vẽ KSSGBM	568.181.818	T12/17

➤ Về đầu tư tài chính dài hạn đến ngày 31/12/2017 giá trị các khoản đầu tư dài hạn là: 183,5 triệu đồng, (Đây là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP thương mại Sabeco Tây nguyên).

➤ Về tình hình tài sản dài hạn khác đến ngày 31/12/2017 có giá trị tài sản dài hạn khác là 666 triệu đồng.(chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ).

3. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả đến ngày 31/12/2017 là: 99 tỷ 832 triệu đồng chiếm tỉ trọng 56,7% tổng tài sản và nguồn vốn bao gồm các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

a) Nợ ngắn hạn:

Nợ ngắn hạn đến ngày 31/12/2017 là 31 tỷ 082 triệu đồng chiếm tỷ trọng 31% nợ phải trả.

Trong đó:

- Phải trả cho người bán đến ngày 31/12/2017 là 2 tỷ 147 triệu đồng chủ yếu là phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa, nguyên liệu và thực phẩm chế biến.

- Các khoản người mua trả tiền trước đến ngày 31/12/2017 là 65,8 triệu đồng chủ yếu là tiền khách hàng đặt cọc mua dịch vụ.

- Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước đến ngày 31/12/2017 là 421,6 triệu đồng trong đó thuế GTGT 406,8 triệu đồng và còn lại 14,8 triệu đồng là các khoản thuế khác.

- Vay và nợ ngắn hạn đến ngày 31/12/2017 là 25,791 tỷ đồng.

- Phải trả cho người lao động đến 31/12/2017 là 898,5 triệu đồng là quỹ lương chưa chi cho người lao động.

- Chi phí phải trả đến ngày 31/12/2017 là 241 triệu đồng chủ yếu là chi phí trích trước lãi vay.

- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác đến ngày 31/12/2017 là 685 triệu đồng. Trong đó tiền kinh phí Công đoàn 243,5 triệu, số còn lại là tiền thù lao HĐQT, BKS& các đối tượng khác.

- Dự phòng phải trả ngắn hạn đến 31/12/2017 là 930 triệu đồng (trích trước chi phí sửa chữa định kỳ)

b) Nợ dài hạn:

Nợ dài hạn đến ngày 31/12/2017 là 68 tỷ 750 triệu đồng, chiếm 69% nợ phải trả.

Trong đó:

- Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam đến ngày 31/12/2017 là 62,524 tỷ đồng. Đây là khoản vay theo Hợp Đồng tín dụng số 68/09/NH/SGBM/NHNT ngày 12/10/2009 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 020715/SGBM/PLHĐ ngày 02/7/2015 và lãi suất áp dụng trong năm là 7%/năm.

- Vay của Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh CN Đắk Lak là 5,972 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0212/2014/HĐTTDH- DN ngày 28/4/2014 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 0212/2014/HĐTH-DN/HUNN 05 ngày 13/7/2015. Cụ thể: lãi suất trong năm 2017 là 8%/năm.

- Phải trả dài hạn khác đến ngày 31/12/2017 là 254 triệu đồng. Đây là các khoản thu từ tiền ký quỹ, ký cược.

4. Về tình hình vốn chủ sở hữu:

Giá trị của nguồn vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2017 là 76,212 tỷ đồng, giảm 2 tỷ 937 triệu đồng so với thời điểm đầu năm và chiếm tỷ trọng 43% tổng tài sản và nguồn vốn (176,044 tỷ đồng)

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu là 93,07 tỷ đồng. chi tiết như sau:

CỔ ĐÔNG	31/12/2018		
	Số cổ phần	Vốn góp	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	4.729.401	47.294.010.000	50,81%
Tổng Công ty Đầu tư và KD Vốn Nhà nước	2.686.252	26.862.520.000	28,86%
Tổng Công ty Bến Thành	740.856	7.408.560.000	7,96%
Cổ đông cá nhân khác	1.150.906	11.509.060.000	12,37%
Tổng cộng	9.307.415	93.074.150.000	100%

Về sổ sách kế toán

Thực hiện đầy đủ các bước ghi chép, phản ánh các số liệu trung thực, phù hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

PHẦN III

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đánh giá chung về tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, ngày 26 tháng 04 năm 2017 như sau:

1. Công tác kinh doanh:

Tổng doanh thu thực hiện năm 2017 là: 69 tỷ 314 triệu đồng so với kế hoạch 85,247 triệu đồng, đạt 81% kế hoạch, không hoàn thành kế hoạch đề ra; So với thực hiện năm 2016 là 78,569 triệu đồng, đạt 88%, giảm 12%. Doanh thu giảm chủ yếu từ dịch vụ ăn uống, hàng chuyển bán tại nhà hàng, hàng hoá bán buôn và dịch vụ du lịch...

+ Kết quả kinh doanh năm 2017: lỗ -2.937.052.875 đồng (năm 2016 lỗ: -2.837.187.221 đồng); Nghị quyết đề ra lãi 1.317.033.000 đồng nhưng không hoàn thành và tiếp tục thua lỗ, làm tăng thêm lỗ lũy kế của công ty (18.388.830.050 đồng) Nguyên nhân lỗ là do: Kinh doanh đạt Doanh số thấp. Chi phí trả lãi vay và nợ đến hạn của Ngân Hàng.

Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2017

- + Lỗ lũy kế năm 2016 chuyển sang : (15.451.777.175) đồng
- + Lỗ năm 2017 : (2.937.052.875) đồng
- + Lỗ lũy kế đến hết năm 2017 : (18.388.830.050) đồng

+ Thu nhập tiền lương bình quân của người lao động (đồng/người/tháng) 2017 là: 4.441.240 đồng (Tổng QL TH: 13.483.605.008 đồng; Số LĐ BQ: 253 người), so với kế hoạch là 4.750.000 đồng/người/tháng đạt 93,5%, so với thực hiện năm 2016 là 4.660.065 đồng, giảm -218.825 đồng/người/tháng, do Doanh thu năm 2017 giảm so với năm 2016 là 9 tỷ 254 triệu đồng.

2. Công tác tổ chức - đào tạo:

Trong năm tình hình lao động biến động trong các đơn vị tương đối nhiều, đặc biệt là Khách sạn Sài Gòn - Ban mê, Nhà hàng Thăng Lợi - CVN. Số lao động Cán Bộ quản lý, lãnh đạo của khách sạn Sài Gòn Ban Mê cũng như các lao động có nghiệp vụ ở bộ phận bếp, bàn nhà hàng nghỉ việc nhiều, việc bổ nhiệm, tuyển dụng mới một số vị trí chưa đáp ứng được yêu cầu nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng phục vụ.

Khu Du lịch Hồ Lắk thanh lý hợp đồng cho thuê trước thời hạn; sau khi tiếp nhận tu bổ, sửa chữa đưa vào hoạt động kinh doanh kể từ ngày 15/5/2017, bước đầu đã thực hiện được kế hoạch Công ty giao.

Theo tinh thần cuộc họp hội đồng Quản trị Công ty ngày 06/10/2017 có chủ trương đề nghị Ban Điều Hành Công ty nên thành lập phòng Sales marketing của Công ty để tăng cường công tác bán hàng cho các đơn vị. Nhưng đến nay BDH công ty chưa thực hiện được và Tổng giám đốc đã báo cáo chủ tịch HĐQT. Nguyên nhân không tuyển được lao động sales.

3. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đã phát hành báo cáo kiểm toán chính thức ngày 12/3/2018.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm Soát, chúng tôi phản ánh và ghi nhận về tình hình hoạt động của Công ty trên cơ sở thẩm tra các báo cáo tài chính mà đơn vị đã cung cấp.

DakLak, ngày 31 tháng 3 năm 2018

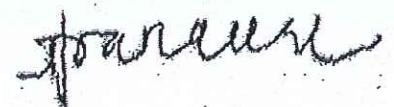
BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THỊ MƯỜI



HUỲNH THỊ NGỌC



LÊ THỊ HOÀNG MAI